

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Đỗ Quang Ninh

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

HẢI PHÒNG – 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN
DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ BUÔN MÊ THUỘT,
TỈNH ĐẮC LẮC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

Sinh viên: Đỗ Quang Ninh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Quang Ninh

Mã SV: 1412601073

Lớp : VH1801

Ngành : Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

Tên đề tài: Tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tại thành phố Buôn

Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

LỜI CẢM ƠN

Để thực hiện và hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học này, em đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ cũng như là quan tâm, động viên từ bố mẹ, thầy cô và bạn bè. Nghiên cứu khoa học cũng được hoàn thành dựa trên sự tham khảo, học tập kinh nghiệm từ các kết quả nghiên cứu liên quan, các sách, báo chuyên ngành của nhiều tác giả ở các trường Đại học, các tổ chức nghiên cứu... Đặc biệt là sự giúp đỡ, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần từ phía nhà trường.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Nguyễn Thị Phương Thảo— người trực tiếp hướng dẫn khoa học đã luôn dành nhiều thời gian, công sức hướng dẫn em trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu và hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học. Em xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng cùng toàn thể các thầy cô giáo công tác trong trường đã tận tình truyền đạt những kiến thức quý báu, giúp đỡ em trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng trong đề tài nghiên cứu khoa học này không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong Quý thầy cô, những người quan tâm đến đề tài tiếp tục có những ý kiến đóng góp, giúp đỡ để đề tài được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	0
LỜI MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH	9
1.1. Khái niệm du lịch	9
1.2. Khái niệm tài nguyên du lịch.....	11
1.3. Đặc điểm của tài nguyên du lịch.....	11
1.4. Phân loại tài nguyên du lịch.....	13
1.5. Vai trò của tài nguyên du lịch trong hoạt động du lịch:	15
Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch. 16	
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1:.....	16
CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI BUÔN MÊ THUỘT – ĐẮK LĂK	17
2.1. Tổng quan về Buôn Mê Thuột – Đắk Lắk	17
2.1.1. Vị trí địa lý – tên gọi	17
2.1.2. Điều kiện tự nhiên :.....	17
2.1.3. Điều kiện văn hóa – xã hội	20
2.2 Tiềm năng phát triển du lịch tại thành phố Buôn Mê Thuột - Daklak.....	21
2.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	21
2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	25
2.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng	35
2.2.3 Lao động trong du lịch.....	38
2.2.4 Các điều kiện khác:	39
2.3 Thực trạng phát triển du lịch.....	41
2.3.1 Các loại hình du lịch	41
2.3.2 Số lượng khách, kết quả kinh doanh.....	43
2.3.2.1. Số lượng khách	43
2.3.2.2. Doanh thu du lịch	45
2.3.3 Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch:	46
2.4 Đánh Giá	47
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	50
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI BUÔN MÊ THUỘT, ĐẮK LĂK	51

3.1 Định hướng phát triển	51
3.2 Các giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch tại Buôn Mê Thuột	55
3.2.1 Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch :	55
3.2.2 Khai thác bền vững các giá trị tài nguyên du lịch	58
3.2.3 Cải thiện cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng	60
3.2.4 Nâng cao chất lượng nguồn lao động du lịch.....	61
3.2.5 Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.....	61
3.2.6 Tăng cường công tác quản lý về du lịch.....	62
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	65
KẾT LUẬN	66
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	67

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thành phố Buôn Ma Thuột không chỉ là trung tâm Văn hóa, Kinh tế, Chính trị của tỉnh Đắk Lắk, mà còn là thành phố trung tâm cấp Vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng của vùng và cả nước. Tên gọi Buôn Ma Thuột được bắt nguồn từ tiếng Ê-đê: Buôn Ama Y Thuot (Buôn: làng, Ama: cha), gọi tắt là Buôn Ma Thuột, có nghĩa là làng của cha Thuột, tên vị tù trưởng có công lập ra buôn làng đầu tiên bên bờ suối Ea Tam. Buôn Ma Thuột là đầu mối huyết mạch giao thông tỏa ra các hướng, nối với thành phố Đà Lạt qua huyện Lắk bằng quốc lộ 27, nối liền với Khánh Hòa qua Ninh Hòa bằng quốc lộ 26, nối với TP.HCM bằng quốc lộ 14 qua Đắk Nông, Bình Phước, nối liền với Yok Đôn Buôn Đôn bằng tỉnh lộ số 1 và nối với Pleiku, Kontum bằng quốc lộ 14.

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, Buôn Ma Thuột nổi tiếng có nhiều loại trái cây, khoai sắn, rau củ, đặc biệt là cà phê Buôn Mê đã từ lâu chiếm lĩnh trên thị trường và cho đến nay chưa có nơi đâu sánh bằng. Buôn Ma Thuột luôn là địa phương dẫn đầu cả nước về sản lượng và chất lượng cà phê. Với lợi thế là vùng đất ba gian màu mỡ trù phú bậc nhất Tây Nguyên, Ban Mê luôn cho những hạt cà phê có hương vị đậm đà và thơm ngon.

Từ những đặc trưng riêng biệt về điều kiện tự nhiên và con người nơi đây đã tạo cho Buôn Ma Thuột một nét văn hóa đặc sắc. Từ ngàn xưa, vùng đất Tây Nguyên đã là cái nôi của nhiều nhóm sắc tộc thiểu số, như: Jrai, Bahnar, Ê-đê, Giẻ, Raglai, Sê-đăng, Xtiêng, Mạ, Brâu, Churu, Mnông... Nhắc đến Buôn Ma Thuột, người ta sẽ nghĩ ngay đến những bản trường ca hào hùng, đến những lễ hội còn ít nhiều nét lạ thường, đến những ngôi nhà sàn, những bức tượng, những lán nhà mồ, nhưng đặc biệt là nghĩ đến nhạc cồng chiêng với một không gian văn hóa vừa được UNESCO công nhận là kiệt tác di sản văn hóa của nhân loại.

Với những tiềm năng sẵn có sẽ là điều kiện rất tốt để Buôn Mê Thuật phát triển du lịch, thay đổi diện mạo kinh tế, phát triển đời sống xã hội bảo tồn và phát huy những giá trị vốn có. Tuy nhiên trong thực tế du lịch tại Buôn Mê Thuật phát triển còn chậm, hiệu quả còn chưa tương xứng với tiềm năng. Là một người con của quê hương em mong muốn với đề tài “Tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tại thành phố Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk” sẽ đóng góp được một số giải pháp góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch tại đây phát triển và đạt hiệu quả cao hơn.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài tập trung vào nghiên cứu về các tiềm năng phát triển du lịch ở Buôn Mê Thuật; hiện trạng phát triển du lịch tại đây gắn với nguồn tài nguyên du lịch đó; trên cơ sở đánh giá những tích cực, hạn chế trong thực trạng phát triển du lịch tại đây để đề xuất những giải pháp phát triển du lịch

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu: Tiềm năng và thực trạng phát triển hoạt động du lịch tại thành phố Buôn Mê Thuật tỉnh DakLak

b. Phạm vi nghiên cứu:

Không gian: Tiềm năng, hiện trạng du lịch trên địa bàn thành phố Buôn Mê Thuật tỉnh DakLak

Thời gian: Tác giả sử dụng những tài liệu, số liệu từ năm 2018 đến nay

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp được sử dụng trong đề tài :

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: thu thập tài liệu qua các tài liệu, sách, báo, và các trang web. Từ đó, phân tích tổng hợp các thông tin, số liệu thống kê về tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch của tỉnh Đắk Lắk để phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài.

- Khảo sát thực tế tại địa phương thông qua quan sát, tìm hiểu để tìm hiểu, đánh giá những tiềm năng phát triển du lịch của Đắk Lắk, phát

hiện những vấn đề còn tồn tại trong việc khai thác tiềm năng du lịch tại đây để cuối cùng đưa ra biện pháp để giải quyết vấn đề.

5. Bố cục khoá luận

Ngoài phần mở đầu kết luận và kiến nghị nội dung Khóa luận chia thành 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận về khai thác tài nguyên du lịch cho phát triển du lịch

Chương 2. Tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tại Buôn Mê Thuột – Đắk Lắk

Chương 3: một số giải pháp phát triển du lịch tại Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1. Khái niệm du lịch

Từ giữa thế kỷ 19, du lịch bắt đầu phát triển mạnh và ngày nay đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến. Nhiều nước đã sử dụng chỉ tiêu đi du lịch của dân cư như là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, khái niệm “Du lịch” được hiểu rất khác nhau tại các quốc gia khác nhau và từ nhiều góc độ khác nhau.

Do hoàn cảnh khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau.

Theo Guer Freuler thì *“Du lịch với ý nghĩa hiện đại của từ này là một hiện tượng của thời đại chúng ta, dựa trên sự tăng trưởng về nhu cầu khôi phục sức khoẻ và sự thay đổi của môi trường xung quanh, dựa vào sự phát sinh, phát triển tình cảm đối với vẻ đẹp thiên nhiên”*.

Kaspar cho rằng du lịch không chỉ là hiện tượng di chuyển của cư dân mà phải là tất cả những gì có liên quan đến sự di chuyển đó. Chúng ta cũng thấy ý tưởng này trong quan điểm của Hienziker và Kraff *“Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ và hiện tượng bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú tạm thời của các cá nhân tại những nơi không phải là nơi ở và nơi làm việc thường xuyên của họ”*. (Về sau định nghĩa này được hiệp hội các chuyên gia khoa học về du lịch thừa nhận).

Theo các nhà kinh tế, du lịch không chỉ là một hiện tượng xã hội đơn thuần mà nó phải gắn chặt với hoạt động kinh tế. Nhà kinh tế học Picara–Edmod đưa ra định nghĩa: *“Du lịch là tổng hoà việc tổ chức và chức năng của nó không chỉ về phương diện khách vắng lai mà chính về phương diện giá trị do khách chi ra và của những khách vắng lai mang đến với một túi tiền đầy, tiêu dùng trực tiếp hoặc gián tiếp cho các chi phí của họ nhằm thoả mãn nhu cầu hiểu biết và giải trí.”*

Theo Luật Du lịch (2005) tại khoản 01, Điều 4 chương I giải thích từ ngữ: *“Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”*.

Theo cách tiếp cận của các đối tượng liên quan đến hoạt động du lịch:

– Đối với người đi du lịch: Du lịch là cuộc hành trình và lưu trú của họ ở ngoài nơi cư trú để thoả mãn các nhu cầu khác nhau: hoà bình, hữu nghị, tìm kiếm kinh nghiệm sống hoặc thoả mãn các nhu cầu về vật chất và tinh thần khác.

– Đối với người kinh doanh du lịch: Du lịch là quá trình tổ chức các điều kiện về sản xuất và phục vụ nhằm thoả mãn, đáp ứng các nhu cầu của người du lịch và đạt được mục đích số một của mình là thu lợi nhuận.

– Đối với chính quyền địa phương: Du lịch là việc tổ chức các điều kiện về hành chính, về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ khách du lịch, là tổng hợp các hoạt động kinh doanh nhằm tạo điều kiện cho khách du lịch trong việc hành trình và lưu trú, là cơ hội để bán các sản phẩm của địa phương, tăng thu ngoại tệ, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho dân địa phương.

– Đối với cộng đồng dân cư sở tại: Du lịch là một hiện tượng kinh tế xã hội mà hoạt động du lịch tại địa phương mình, vừa đem lại những cơ hội để tìm hiểu nền văn hoá, phong cách của những người ngoài địa phương mình, vừa là cơ hội để tìm việc làm, phát huy các nghề cổ truyền, tăng thu nhập nhưng đồng thời cũng gây ảnh hưởng đến đời sống người dân sở tại như về môi trường, trật tự an ninh xã hội, nơi ăn, chôn ở,...

Du lịch có thể được hiểu là:

– Sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khoẻ, nâng cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh, có hoặc không kèm theo việc tiêu

thụ một số giá trị tự nhiên, kinh tế, văn hoá và dịch vụ của các cơ sở chuyên cung ứng.

– Một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu nảy sinh trong quá trình di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú với mục đích phục hồi sức khoẻ, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh.

1.2. Khái niệm tài nguyên du lịch

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về tài nguyên du lịch (Tourism resources) đã được đưa ra:

Theo các nhà khoa học Du lịch Trung Quốc, tài nguyên du lịch được hiểu là tất cả giới tự nhiên và xã hội loài người có khả năng thu hút và có sức hấp dẫn đối với khách du lịch, có thể sử dụng cho ngành du lịch nhằm mục đích sản sinh ra hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường.

Pirojnik nhận định: *“Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên, văn hóa - lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần, khả năng lao động và sức khỏe của con người. Trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong điều kiện khả năng kinh tế kỹ thuật cho phép, các loại tài nguyên này được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi”*.

Còn tại Việt Nam, theo Khoản 4, Điều 3, Chương 1 Luật Du lịch Việt Nam năm 2017, *“Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa.”*

Từ các khái niệm trên, ta có thể rút ra được nhận định tài nguyên du lịch bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đã, đang và sẽ được khai thác và sử dụng nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động du lịch, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

1.3. Đặc điểm của tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch mang những đặc điểm nổi bật sau:

Tài nguyên du lịch có thể là đối tượng khai thác của nhiều ngành kinh tế - xã hội. Một số tài nguyên du lịch như địa hình địa chất, nước, sinh vật không chỉ được sử dụng cho ngành du lịch mà còn có ý nghĩa đối với nhiều ngành kinh tế cũng như nhu cầu của đời sống. Chẳng hạn: tài nguyên nước đồng thời phục vụ cho đời sống, cho các hoạt động sản nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải hay tài nguyên sinh vật đồng thời cũng là đối tượng khai thác của các ngành lâm nghiệp, ngành thủy sản...

Tài nguyên du lịch có phạm trù lịch sử. Hay nói cách khác, sự hình thành, tồn tại và biến đổi của tài nguyên du lịch thay đổi qua từng giai đoạn lịch sử. Việc khai thác tài nguyên du lịch phụ thuộc rất lớn vào điều kiện kinh tế xã hội và sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại. Trước đây, khi điều kiện kinh tế xã hội và trình độ phát triển khoa học kỹ thuật còn thấp, ta chỉ có thể khai thác được các nguồn tài nguyên du lịch đơn giản. Và ngược lại, trong bối cảnh hiện tại ta có khả năng khai thác những nguồn tài nguyên du lịch phức tạp hơn.

Tài nguyên du lịch mang tính biến đổi. Tài nguyên du lịch không tồn tại vĩnh cửu. Nếu không được khai thác và sử dụng tiết kiệm theo hướng bền vững kết hợp với bảo vệ và tôn tạo hợp lý, tài nguyên du lịch sẽ bị suy thoái, cạn kiệt cả về số lượng và chất lượng.

Hiệu quả khai thác tài nguyên thiên nhiên phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Các yếu tố này có thể kể đến như: Khả năng nghiên cứu, phát hiện và đánh giá các nguồn tài nguyên tiềm ẩn chưa được khai thác, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các quốc gia, trình độ phát triển khoa học, công nghệ...

Tài nguyên du lịch mang tính đa dạng, phong phú

Tài nguyên du lịch có tính sở hữu chung. Bất cứ công dân nào cũng có quyền thưởng thức các giá trị của tài nguyên du lịch. Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch.

Hầu hết tài nguyên du lịch thường có tính mùa vụ. Tính thời vụ trong du lịch được hình thành từ tài nguyên khí hậu. Do đó, việc khai thác tài nguyên

cũng bị phụ thuộc vào tính mùa của khí hậu. Ngoài ra, thời gian nghỉ ngơi của du khách cũng ảnh hưởng nhiều đến việc kinh doanh du lịch.

Việc khai thác tài nguyên du lịch gắn liền với vị trí địa lý. Sự khác biệt giữa kinh doanh du lịch và các lĩnh vực kinh tế khác là sản phẩm du lịch được bán tại chỗ do phần lớn tài nguyên du lịch (như cảnh quan thiên nhiên, các làng nghề truyền thống, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử...) đều gắn bó mật thiết với vị trí địa lý, không thể di dời được.

1.4. Phân loại tài nguyên du lịch

Theo điều 13 luật Du lịch, tài nguyên du lịch được chia thành hai loại: Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm các nhân tố gắn liền với tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm các nhân tố gắn liền con người và xã hội. Cụ thể:

Tài nguyên du lịch tự nhiên

Khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên là gì?

Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm tất cả các yếu tố tự nhiên và các yếu tố có mức độ hấp dẫn cao, phản ánh môi trường địa lý của chúng và có thể được định giá cho mục đích du lịch. Theo Khoản 1, Điều 15, Chương III của Luật du lịch Việt Nam năm 2017, tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm:

- Tài nguyên địa hình – địa chất - địa mạo

Địa hình là thành phần quan trọng của tự nhiên, là nơi diễn ra tất cả các hoạt động của con người. Nó được hình thành từ quá trình địa chất, địa mạo lâu dài. Trong hoạt động du lịch, địa hình là cơ sở quan trọng để hình thành nên các loại tài nguyên du lịch khác. Các dạng địa hình thích hợp cho sự phát triển các hoạt động du lịch nổi bật như: địa hình đồng bằng, miền núi, địa hình vùng đồi, địa hình Karst, địa hình ven bờ biển.

- Tài nguyên khí hậu

Tài nguyên khí hậu được xác định nhằm mục đích khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch bao gồm: nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, áp suất không khí, bức xạ mặt trời. Khi khai thác tài nguyên khí hậu, ta cần đánh giá ảnh hưởng của nó đối với sức khỏe của con người. Thông thường, những khu vực có khí hậu ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe con người sẽ được nhiều du khách ưa thích và lựa chọn làm nơi nghỉ ngơi.

- Tài nguyên nước

Tài nguyên nước bao gồm nước ngầm và nước mặt. Trong đó, nước mặt bao gồm đại dương, biển, suối, thác nước là nguồn tài nguyên có ý nghĩa rất lớn đối với hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, nguồn nước ngầm cũng rất thích hợp cho các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh...

- Tài nguyên sinh vật

Tài nguyên sinh vật bao gồm nguồn động, thực vật có khả năng sử dụng nhằm mục đích phát triển du lịch. Trong hoạt động du lịch, tài nguyên sinh vật có ý nghĩa đặc biệt do tính đa dạng sinh học, tạo ra nhiều phong cảnh đẹp, sinh động. Tài nguyên sinh vật bao gồm nhiều loại hình du lịch như: Du lịch sinh thái, du lịch bền vững, du lịch nghỉ dưỡng...

Tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn là những của cải vật chất và tinh thần do con người tạo ra từ xưa đến nay có thể thu hút khách du lịch đến thưởng thức. Các tài nguyên nhân văn bao gồm:

- Các di tích lịch sử, di tích văn hoá;
- Các công trình kiến trúc;
- Các nhà bảo tàng;
- Các vườn tượng;
- Các lễ hội truyền thống;
- Các làng nghề truyền thống;
- Ẩm thực;
- Tôn giáo;
- Âm nhạc, hội họa;

Các lễ hội truyền thống là tài nguyên nhân văn có giá trị du lịch lớn. Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc hay là một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao động vất vả, hoặc là một dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc đơn thuần là những hoạt động có tính chất vui chơi giải trí. Do vậy, lễ hội có tính hấp dẫn cao đối với khách du lịch. Bất cứ lễ hội nào cũng có hai phần chính: phần lễ và phần hội. Cả hai phần đó đều có sức thu hút cao đối với khách du lịch. Riêng phần hội có sự tham gia của đông đảo dân cư địa phương. Nghề dệt thổ cẩm Nghề đúc đồng Làng nghề truyền thống là loại tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng và có sức hấp dẫn đối với khách du lịch thông qua những sản phẩm thủ công độc đáo và cách thức làm ra các sản phẩm đó. Việt Nam là quốc gia có nhiều làng nghề thủ công truyền thống, đặc biệt là các làng nghề đúc đồng, nghề kim hoàn, nghề gốm, nghề mộc, nghề mây tre, nghề sơn mài, nghề dệt, nghề thêu ren, mỗi nghề đều có lịch sử phát triển lâu dài và độc đáo. Khách du lịch từ các nước phát triển quan tâm tìm hiểu các làng nghề và mua các sản phẩm thủ công truyền thống vì qua đó họ hiểu thêm về lịch sử văn hoá của một vùng đất và có cơ hội chứng kiến cách thức lao động sản xuất cổ xưa hiện không còn tồn tại ở đất nước khách du lịch cư trú.

=> Tài nguyên du lịch nhân văn là một trong những tài nguyên có vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch.

1.5. Vai trò của tài nguyên du lịch trong hoạt động du lịch:

Trong hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch đóng một vai trò vô cùng quan trọng, cụ thể:

- Tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng trong việc hình thành nên các sản phẩm du lịch. Mỗi sản phẩm du lịch có thể được tạo nên bởi rất nhiều yếu tố khác nhau nhưng tài nguyên du lịch được xem là cần thiết nhất giúp tạo nên những điểm vô cùng đặc biệt riêng dành cho mỗi địa phương và mỗi quốc gia khác nhau.

Tài nguyên du lịch là là cơ sở để phát triển các loại hình du lịch. Bởi tất cả những loại hình du lịch được ra đời để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch, nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch đều dựa trên cơ sở của tài nguyên du lịch. Chẳng hạn tài nguyên du lịch nhân văn thì sẽ phát triển các loại hình du lịch thăm quan tìm hiểu văn hóa,..

Tài nguyên du lịch đóng một vai trò quan trọng và là điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu của du khách bởi tài nguyên du lịch chính là mục đích trong mỗi chuyến đi của du khách.

Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1:

Trong chương 1, tác giả đã tổng quan cơ sở lý luận về du lịch, tài nguyên du lịch. Trong phần cơ sở lý luận về tài nguyên du lịch tác giả đã tổng quan đặc điểm, phân loại và vai trò của tài nguyên du lịch đối với sự phát triển du lịch. Đây sẽ là cơ sở để tác giả triển khai nội dung của chương 2 gắn với hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Buôn Mê Thuật tỉnh Daklak.

CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI BUÔN MÊ THUỘT – ĐẮK LẮK

2.1. Tổng quan về Buôn Mê Thuột – Đắk Lắk

2.1.1. Vị trí địa lý – tên gọi

Thành phố Buôn Ma Thuột nằm ở khu vực trung tâm của Tây Nguyên, độ cao 536 mét, cách Hà Nội khoảng 1300 km, cách Thành phố Hồ Chí Minh 350 km, cách Đà Nẵng khoảng 647 km, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Krông Pắc

Phía đông nam giáp huyện Cư Kuin

Phía tây giáp huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Phía nam giáp huyện Krông Ana

Phía bắc giáp các huyện Cư M'gar và Buôn Đôn.

Thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích 377,18 km², dân số năm 2019 là 375.590 người[3], mật độ dân số đạt 996 người/km².

Thành phố Buôn Ma Thuột không chỉ là trung tâm Văn hóa, Kinh tế, Chính trị của tỉnh Đắk Lắk, mà còn là thành phố trung tâm cấp Vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng của vùng và cả nước. Tên gọi Buôn Ma Thuột được bắt nguồn từ tiếng Ê-đê: Buôn Ama Y Thuot (Buôn: làng, Ama: cha), gọi tắt là Buôn Ma Thuột, có nghĩa là làng của cha Thuột, tên vị tù trưởng có công lập ra buôn làng đầu tiên bên bờ suối Ea Tam. Buôn Ma Thuột là đầu mối huyết mạch giao thông tỏa ra các hướng, nối với thành phố Đà Lạt qua huyện Lắk bằng quốc lộ 27, nối liền với Khánh Hòa qua Ninh Hòa bằng quốc lộ 26, nối với TP.HCM bằng quốc lộ 14 qua Đắk Nông, Bình Phước, nối liền với Yok Đôn Buôn Đôn bằng tỉnh lộ số 1 và nối với Pleiku, Kontum bằng quốc lộ 14.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên :

Thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích tự nhiên là 37.718 ha chiếm khoảng 2,87% diện tích tự nhiên tỉnh Đắk Lắk. Ranh giới hành chính được xác định như sau: Phía Bắc giáp huyện Cư M'Gar; phía Nam giáp huyện Krông Ana, Cư Kuin; phía Đông giáp huyện Krông Pắc; phía Tây giáp huyện Buôn Đôn và Cư Jút (tỉnh Đắk Nông).

Địa hình

Thành phố Buôn Ma Thuột nằm trong vùng cao nguyên phía Tây của dãy Trường Sơn, có độ cao trung bình 500 m so với mặt nước biển, địa hình dốc thoải 50 - 100 từ Đông sang Tây, chênh lệch về độ cao nhiều như vậy khiến cho hệ sinh thái động thực vật biến đổi phong phú.

Quỹ đất tại thành phố Buôn Ma Thuột phần lớn đã được khai thác và đưa vào sản xuất trong nhiều năm nay với những thế mạnh chính về cây công nghiệp, đặc biệt cà phê Buôn Ma Thuột được đánh giá là ngon nhất Việt Nam

Thành phố Buôn Ma Thuột bao gồm 13 phường và 8 xã. Khu trung tâm bao gồm các phường Tân Tiến, Thắng Lợi, Thống Nhất, Thành Công, Tân Lợi, Tự An, Tân Lập, Tân Thành. Khu cận trung tâm, gồm các phường: Khánh Xuân, Tân Hòa, Thành Nhất, Ea Tam, Tân An. Khu ven nội, gồm các phường, xã: Cư Êbur, Hòa Thắng, Hòa Khánh, Hòa Thuận, Ea Tu, Ea Kao, Hòa Phú, Hòa Xuân.

Khí hậu

Loại hình khí hậu chủ yếu của TP Buôn Mê Thuột đó là kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. Tuy nhiên, Buôn Mê Thuột cũng chịu ảnh hưởng lớn của tiểu vùng khí hậu cao nguyên ở phía Tây Trường Sơn. Vì vậy, khí hậu ở thành phố này có nhiều đặc điểm đặc thù riêng khác biệt. Nói chung là Buôn Mê Thuột một năm có chia thành 2 mùa rõ rệt đó là:

Mùa mưa: Vì chịu ảnh hưởng của khí hậu phía Tây Trường Sơn nên ở Buôn Mê Thuột thường có lượng mưa rất lớn, kéo dài đến 6 tháng - từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm. Khoảng thời gian này lượng mưa trung bình đã chiếm đến khoảng 87% lượng mưa của cả năm. Trong đó tháng 8 và tháng 9 là hai tháng có lượng mưa lớn nhất, đạt đến 300mm / tháng.

Mùa còn lại trong năm là mùa khô. Mùa khô ở Buôn Mê Thuột cũng kéo dài 6 tháng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Khoảng thời gian này rất ít mưa. Lượng mưa trung bình chỉ chiếm khoảng 13% lượng mưa của cả năm. Nếu có mưa thì hầu như chỉ xuất hiện vào đầu và cuối mùa khô, cường độ mưa thấp chỉ dưới 10mm / tháng và chỉ mưa trong khoảng vài ngày lúc giao mùa. Thời gian còn lại trong mùa khô hầu như không có mưa.

Với những đặc điểm, điều kiện của khí hậu như trên thì mùa khô là mùa thuận lợi nhất để khai thác và phát triển du lịch. Thời điểm này được coi là giai đoạn cao

điểm du lịch ở Buôn Mê Thuột vì rơi vào giai đoạn thu đông (đặc biệt là tầm tháng 10 đến tháng 11) và TP Buôn Mê Thuột nói riêng hay cả vùng đất cao nguyên nói chung bước vào mùa vụ thu hoạch cà phê nên có rất nhiều các sản phẩm, dịch vụ du lịch liên quan đến cà phê.

Với những đặc điểm của khí hậu như trên, thuận lợi để du lịch thành phố Buôn Ma Thuột khai thác thị trường du khách quốc tế (inbound). Đây được xem là giai đoạn cao điểm vì rơi vào giai đoạn thu đông, đặc biệt là khoảng tháng 10 trở đi đến khoảng tháng 11 vùng đất cao nguyên bước vào mùa thu hoạch cà phê, tổ chức các dịch vụ du lịch liên quan đến cà phê.

Sinh vật

Thành phố Buôn Ma Thuột nằm trong lõi hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, đây là lợi thế rất lớn trong khai thác và gia tăng sự đa dạng của sản phẩm du lịch. Mạng lưới khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia đặc hữu sau:

Bảng 1: Tổng hợp các khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn

TT	Danh mục	D.tích (1.000 ha)	Chức năng bảo tồn
1	Vườn quốc gia Yok Đôn	110,7	Hệ sinh thái rừng thưa
2	Vườn quốc gia Chư Yang Sin	59,5	Đa dạng sinh học
3	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam	20,4	Bảo tồn động thực vật
4	Khu DTLSVHMT hồ Lắk	10,3	Môi trường cảnh quan
5	Khu Lâm viên Ea Kao	0,085	Môi trường cảnh quan
6	Khu BTTN loài sinh cảnh thông nước	0,067	Bảo tồn thông nước
7	Khu BTTN Ea Sô	26,9	Bảo tồn động thực vật
	Tổng cộng (18,99% diện tích tự nhiên toàn Tỉnh)	228	

(Theo cục kiểm lâm Đắk Lắk)

2.1.3. Điều kiện văn hóa – xã hội

Buôn Ma Thuột từ thị xã nhỏ bé 1975 đã phát triển lên thành phố năm 1995 (đô thị loại 3) và sau 10 năm xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại 2 (2005), hiện nay là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Đắk Lắk.

Đầu mối giao thông quốc gia quan trọng

Với vị trí đặc biệt, giao thông đối ngoại gắn kết Buôn Ma Thuột với các vùng phụ cận gồm có giao thông đường bộ và đường hàng không.

Giao thông đường bộ:

Gắn kết về phía Bắc thông qua quốc lộ 14 nối 2 tỉnh Tây Nguyên là Gia Lai và Kon Tum. Nối kết tiếp lên phía Bắc và vào hệ thống tuyến ngang ra các tỉnh duyên hải miền Trung.

Gắn kết về phía Đông thông qua quốc lộ 26 nối tới Nha Trang - Khánh Hòa, đây là trung tâm du lịch biển quốc gia và là đầu mối giao thông biển quốc tế với cảng nước sâu khu kinh tế Vân Phong, được xem là 1 cửa ngõ biển quan trọng của Tây Nguyên.

Gắn kết về phía Đông Bắc thông qua quốc lộ 29 nối tới Phú Yên.

Gắn kết về phía Đông Nam thông qua quốc lộ 27 tới Đà Lạt – Lâm Đồng, đây là đô thị du lịch Tây nguyên điển hình, là đô thị đối trọng hỗ trợ cho Buôn Ma Thuột phát triển.

Gắn kết về phía Nam thông qua đoạn cuối quốc lộ 14 tới Đắk Nông, Bình Phước, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh, đô thị trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là vùng kinh tế sôi động nhất của cả nước.

Giao thông đường hàng không: Sân bay Buôn Ma Thuột là 1 trong 3 sân bay của toàn vùng Tây Nguyên. Hiện là sân bay quân sự cấp 1 và sân bay dân sự quốc gia cấp 4C, được nâng cấp có khả năng đáp ứng 1 triệu khách/năm. Vị trí của sân bay nằm trên tuyến hàng không quan trọng nhất quốc gia nối giữa Hà Nội với thành phố Hồ Chí Minh, vị trí của sân bay thuận lợi gắn kết về đường hàng không với các trung tâm du lịch lớn của quốc gia như Đà Nẵng, Vinh, Thanh Hóa, Hải Phòng, Quảng Nam và ngược lại.

Dân cư và văn hóa

- Thành phố Buôn Ma Thuột được xem như là một Việt Nam thu nhỏ, trên địa bàn thành phố có 40 dân tộc trên tổng số 54 dân tộc anh em trên toàn quốc, trong đó dân tộc kinh chiếm khoảng 85% và 15% còn lại là người dân tộc khác. Trong nhóm

dân tộc bản địa, người Ê Đê chiếm số lượng lớn nhất, sau tới dân tộc Tày, Thái, Hoa, Gia Rai,...

Các dân tộc bản địa ở thành phố Buôn Ma Thuột thờ thần linh, những vị thần được cho là bảo vệ họ. Một bộ phận khác theo đạo Thiên Chúa, Tin lành, Phật giáo,... Sự có mặt của đông đảo người Kinh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột góp phần tạo nên một bộ mặt văn hóa mới trong những nét văn hóa truyền thống, tuy nhiên do bị ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, nền văn hóa hiện đại đã làm cho nét đặc trưng văn hóa nhà dài tại các buôn làng mai một dần.

Lao động

Do sự gia tăng về dân số đã kéo theo sự tăng nguồn lao động trong các ngành kinh tế... vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động đang là một vấn đề lớn và cần chú trọng của thành phố Buôn Ma Thuột. Tổng lao động của Thành phố tham gia các ngành kinh tế chiếm khoảng 50% dân số toàn thành phố Buôn Ma Thuột, đây là chỉ số rất tích cực.

Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế trong những năm gần đây thay đổi không đáng kể trong khi tăng trưởng kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; giảm tỷ lệ nông lâm nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng nhẹ nhưng cơ cấu lao động chưa chuyển biến mạnh. Tỷ lệ lao động nông nghiệp lại có xu hướng giảm rất chậm, điều này phản ánh những hạn chế trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế để tạo việc làm cho người lao động. Việc chuyển đổi ngành nghề đào tạo nhân lực không kịp thời làm cho lực lượng lao động phi nông nghiệp thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, đặc biệt đối với khu vực nhiều đồng bào dân tộc thiểu số như ở thành phố Buôn Ma Thuột là vấn đề rất khó khăn.

2.2 Tiềm năng phát triển du lịch tại thành phố Buôn Mê Thuột - Daklak

2.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên khí hậu

Thời tiết của vùng này Việt Nam mang tương phản rõ rệt khí hậu nhiệt đới phía Nam với thời tiết khô cần, đồi núi trập trùng và bầu trời xanh biếc. Mùa mát ở Tây Nguyên xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 1 với nhiệt độ khoảng 12 đến 15 độ C. Vào tháng 2, 3 và 4 nhiệt độ tăng vọt lên đến 30 độ C. Cho đến cuối tháng 4, đầu tháng 5 mới xuất hiện những trận mưa và nhiệt độ giảm một chút cho đến gió mùa kết thúc vào tháng 10. Tháng 7 và 8 là những tháng ẩm nhất trong năm. Do địa hình cao của

mảnh đất này nên nhiệt độ quanh năm thường mát hơn so với các khu vực gần biển. Ngay cả trong mùa nóng, buổi sáng và tối có thể se se lạnh và chuyển lạnh ngay về đêm. Khi thời tiết nóng dần, những tháng khô từ tháng 2 cho đến tháng 4, nơi đây có thể bị khô cằn và không thoải mái để du lịch. Vào tháng 4, bụi và sương mù trở thành vấn đề lớn khi mà có thể gây ra cháy. Những con sông giảm mực nước và cảnh quan không được đẹp như những tháng khác trong năm. Trong mùa mưa, những cơn mưa xối xả có thể gây lũ quét. Bụi, đất biến thành bùn xung quanh, chủ yếu là những con đường nhỏ, khiến tốc độ chậm lại đáng kể. Qua tháng 7 và đầu tháng 8, mưa dường như tiếp tục. Và nếu như những điều này không làm bạn thấy phiền, đây là thời điểm tốt trong năm để tới vùng đất này khi nó đẹp nhất.

Địa hình:

- Thành phố Buôn Ma Thuột nằm trong vùng cao nguyên phía Tây của dãy Trường Sơn, có độ cao trung bình 500 m so với mặt nước biển, địa hình dốc thoải 50 - 100 từ Đông sang Tây, chênh lệch về độ cao nhiều như vậy khiến cho hệ sinh thái động thực vật biến đổi phong phú.

Địa hình cao nguyên ưu đãi cho thành phố Buôn Ma Thuột cùng với bàn tay con người qua thời gian đã hình thành mạng lưới hồ thiên nhiên, nhân tạo gắn với những khu rừng, đồn điền cà phê, cao su, các buôn dân tộc tạo nên các không gian thoáng đãng, trong lành, là nơi khai thác du lịch rất hấp dẫn và sinh động như hồ Ea Kao (di tích danh thắng cấp tỉnh), hồ Ea Chư Cáp, hồ Ea Nao, hồ Đạt Lý,...

Tài nguyên rừng

Cảnh sắc mơ mộng, không gian yên tĩnh bên trong khu rừng khộp ở Đăk Lăk thu hút du khách ghé thăm. Rừng khộp hay rừng thưa lá rộng, rụng lá vào mùa khô đặc trưng của Đông Nam Á. Tại Việt Nam, Tây Nguyên là nơi duy nhất có loại rừng này, tập trung nhiều ở khu vực Đăk Lăk. Bên cạnh đó còn có nhiều vườn quốc gia và khu bảo tồn như: VQG Chư Yang Sin, VQG Yok Don, KBTTN Ea Sô, KBTTN Nam Ka, khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan Hồ Lắk.

Tài nguyên sinh vật

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, Buôn Ma Thuột nổi tiếng có nhiều loại trái cây, khoai sắn, rau củ, đặc biệt là cà phê Buôn Mê đã từ lâu chiếm lĩnh trên thị trường và cho đến nay chưa có nơi đâu sánh bằng. Buôn Ma Thuột luôn là địa phương dẫn đầu cả nước về sản lượng và chất lượng cà phê. Với lợi thế là vùng đất ba gian màu mỡ trù

phú bậc nhất Tây Nguyên, Ban Mê luôn cho những hạt cà phê có hương vị đậm đà và thơm ngon.

Sản vật nông nghiệp rất phong phú, đa dạng như cà phê, tiêu, ca cao, bơ, ngô, các loại đậu tương,... nổi bật nhất là cà phê, từ lâu đã nổi tiếng toàn thế giới, thành phố Buôn Ma Thuột được coi là “Thủ phủ cà phê” của Việt Nam. Cà phê Buôn Ma Thuột với hương vị và chất lượng độc đáo đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia, nổi tiếng thế giới. Từ cà phê có khả năng phát triển các sản phẩm du lịch hấp dẫn khách du lịch như tham quan các trang trại cà phê; Tham quan quá trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến cà phê;... Từ cà phê cũng có thể chế tác các sản phẩm lưu niệm phục vụ khách du lịch như tranh bằng hạt cà phê, các sản phẩm mỹ nghệ từ cây cà phê,...

Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột được tổ chức định kỳ 2 năm một lần, là cơ hội để Đắk Lắk nói chung và Buôn Ma Thuột nói riêng xúc tiến quảng bá những giá trị văn hóa đặc sắc của mình phục vụ phát triển du lịch. Đây là lễ hội thường niên vô cùng quan trọng trong việc phát triển thương hiệu Tây Nguyên nói chung và cà phê Buôn Ma Thuột nói riêng, là tiền đề tốt thúc đẩy phát triển du lịch.

Tài nguyên nước

Đến với Đắk Lắk du khách không chỉ bị thu hút bởi núi rừng bạt ngàn mà còn bị thu hút bởi những con thác vô cùng hùng vĩ và các hồ nước ngọt tự nhiên đây chính là điểm đặc biệt tạo nên cảnh quan của thiên nhiên Đắk Lắk. Các thác nước nổi tiếng như: Thác Đray Nur, Thác Đray Sáp, Thác Trinh Nữ, Thác Thủy Tiên, Thác Krông Kmar, Thác Gia Long. Các hồ tự nhiên như: Hồ Lawsk, Hồ Eakar, Hồ Ea Súp Thượng.

Một số điểm du lịch tự nhiên nổi tiếng ở Buôn Mê Thuột

Khu du lịch Ko Tam: Khu du lịch này cách trung tâm thành phố 9km về phía Đông Nam, thuộc phường Tân Hòa và xã Ea Tu. Với không gian rộng rãi, thoáng mát và mang vẻ đẹp tự nhiên của núi rừng, khu du lịch Ko Tam là địa điểm lý tưởng để nghỉ ngơi và thưởng thức các đặc sản của núi rừng.

Khu du lịch Đồi Thông

Cách trung tâm thành phố khoảng 7km, thuộc thôn 1 xã Hòa Thắng, đây là một khu nghỉ dưỡng và giải trí với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, không khí trong lành. Đến đây, ngoài thưởng thức các món ăn ngon du khách còn được tham gia nhiều lễ hội truyền thống của Tây Nguyên.

Hồ Ea

Cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 12km. Với những điều kiện thuận lợi về đất đai, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa lý, thảm thực vật, cây xanh, nguồn nước ... khu du lịch hồ Ea Kao là nơi lý tưởng để nghỉ ngơi, tận hưởng sự trong lành của thiên nhiên.

Vườn cảnh Trohbur: Vườn cảnh Troh Bur với những tiểu cảnh khá đẹp, trông như Nhật Bản hay Hàn Quốc

Vườn cảnh Trohbur là một khu vườn cảnh đẹp ở Đăk Lăk nằm tại Buôn Niêng, xã Ea Nuôl. “Trohbur”, theo tiếng Ê Đê, có nghĩa là “lũng cá lóc suối” (là loại cá lóc nhỏ chỉ bằng chuôi dao, đen chùi chũi, sống trong các suối đá). Hiện tại Trohbur là một khu vườn cảnh với những con đường đi dạo quanh co uốn lượn theo các triền dốc, bờ hồ. Ở đây có cả một bộ sưu tập phong phú và đa dạng về cây, cỏ, hoa và lan rừng; có những ngôi nhà nhỏ đơn sơ mang đậm màu cổ tích nằm ẩn giữa tàn cây; có những tiểu cảnh đẹp làm điểm nhấn.

Thác Dray Nur

Thác Dray Nur hay còn viết là Thác Dray Nur nằm cách thành phố Buôn Ma Thuột 25 km đi theo quốc lộ 14, qua thủy điện Buôn Kuốp gần 3 km và đây là một ngọn thác hùng vĩ mà thiên nhiên đã ban tặng cho Đăk Lăk. Thác có chiều dài trên 250m, chiều cao trên 30m nối liền đôi bờ 2 tỉnh Đăk Lăk và Đăk Nông.

Thác Dray Sáp

Thác Dray Sáp còn có tên gọi nữa là thác Chồng (thực chất thác này thuộc địa phận Đăk Nông nhưng lại nằm không xa thác Dray Nur). Theo tiếng Ê Đê, Dray Sap có nghĩa là “thác khói” (dray: thác, sap: Khói), bởi lẽ dòng nước từ trên cao đổ xuống thung lũng tạo thành một khối lớn bụi nước bay là như màu sương khói.

Hồ Lắk

Là một hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất tỉnh Đăk Lăk và lớn thứ hai Việt Nam sau hồ Ba Bể. Xung quanh hồ có những dãy núi lớn được bao phủ bởi các cánh rừng nguyên sinh. Hồ Lắk cũng là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa đặc sắc và độc đáo của người M’Nông bản địa.

Đá Voi Yang-tao

Đá Voi Mẹ là một điểm check-in với phong cảnh xung quanh rất hùng vĩ (Ảnh – thaobigi)

Đá Voi Yang-tao gồm một cặp hòn đá Voi Cha và hòn đá Voi Mẹ, nổi tiếng với truyền thuyết là “hòn đá biết đi”. Nằm cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 40 km theo đường quốc lộ 27, thuộc địa phận xã Yang-tao. Đá Voi Yang-tao thuộc loại đá granit. Kích thước rất lớn: theo ước lượng thì đá voi mẹ có chiều dài khoảng 200m, chu vi dưới chân đá khoảng 500m và cao khoảng hơn 30m. Đá Voi Cha có kích thước nhỏ hơn: chiều dài khoảng 70m và chu vi khoảng 180m. Đá Voi Mẹ nằm sát chân núi, là một dãy núi thuộc vườn quốc gia Chư Yang Sin. Còn đá Voi Cha cách đó khoảng 5 km về hướng Nam, nằm giữa một cánh đồng.

2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Di tích lịch sử văn hoá là một nguồn tài nguyên du lịch quan trọng giữ vai trò chính trong việc thu hút khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Thành phố Buôn Ma Thuột có 05 di tích lịch sử, văn hoá được công nhận cấp quốc gia và cấp tỉnh, trong đó có 04 di tích cấp quốc gia, gồm Nhà đày Buôn Ma Thuột, Đình Lạc Giao, Biệt Điện Bảo Đại số 04 Nguyễn Du, Bia tưởng niệm 100 chiến sỹ Nam tiến và 01 di tích cấp tỉnh là di tích Tượng đài Mậu thân 1968,... Đây là những chứng tích hào hùng của truyền thống lịch sử lập nước, giữ nước của các dân tộc tỉnh Đắk Lắk nói chung và thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng. Các di tích văn hoá lịch sử của thành phố Buôn Ma Thuột đều có giá trị phục vụ du lịch cao. Những di tích lịch sử văn hoá nêu trên, tuy chưa phải là tất cả, song cũng đủ để chứng minh rằng, giá trị nhân văn được thể hiện đậm nét qua các di tích lịch sử, văn hoá và có thể khai thác một cách có hiệu quả trong việc phục vụ du lịch của thành phố Buôn Ma Thuột

Các Lễ hội truyền thống mang nét văn hoá đặc trưng riêng biệt đang có xu hướng phục hồi và phát triển trở lại. Hầu như ở khắp các địa phương trên cả nước đều khuyến khích, đầu tư tổ chức các lễ hội văn hoá truyền thống. Nhiều lễ hội có ý nghĩa lớn về mặt lịch sử, văn hoá, có tác dụng tích cực trong việc giáo dục truyền thống yêu nước và khôi phục phát triển những nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá cổ truyền. Lễ hội trở thành một phần quan trọng của du lịch, có sự thu hút kỳ diệu đối với du khách trong và ngoài nước. Nhiều lễ hội lớn trở thành ngày hội của du lịch đối với vùng, miền địa phương đó. Thành phố Buôn Ma Thuột có nhiều di tích lịch sử gắn với nhiều lễ hội truyền thống. Hàng năm, thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức long trọng và trang nghiêm các lễ hội đặc trưng của địa phương đáp ứng một phần đòi hỏi sống tinh thần, tâm

linh của người dân, đồng thời còn để phục vụ mục đích phát triển du lịch như Lễ giỗ tổ Hùng Vương; Lễ tưởng niệm 100 chiến sỹ Nam tiến; Lễ tế Đình Lạc Giao; Lễ cúng bến nước, Lễ cúng sức khỏe, Lễ cưới của đồng bào dân tộc Ê đê; Tết của người Thái ở xã Hòa Phú ...

Một số lễ hội tiêu biểu:

Lễ hội đua voi

Đua voi là một trong những nét văn hóa truyền thống của người Tây Nguyên được tổ chức vào tháng 3 dương lịch với hai năm một lần, Buôn Đôn là cái nôi của việc săn bắt và thuần dưỡng voi rừng, vì thế lễ hội thường được tổ chức ở đây.

Những đàn voi từ các buôn xa, gần kéo về dự hội rất náo nhiệt. Sân đua là một bãi đất rộng chiều dài khoảng 400 – 500m, chiều rộng đủ cho 30 con voi đứng xếp hàng.

Lễ đâm trâu của người Bana

Vào khoảng tháng Chạp đến tháng 3 âm lịch, người Banar ở Tây Nguyên lại mở lễ hội đâm trâu, gọi là Koh Kpo hoặc Groong Kpo Tonoi, để vui đón năm mới, mừng sức khỏe mọi người và cầu chúc mùa màng tươi tốt.

Lễ hội diễn ra trong 3 ngày đêm. Vị tộc trưởng, thầy cúng hoặc già làng làm chủ lễ hiến tế. Hết ngày thứ nhất, sang ngày thứ hai, một dàn chiêng 8, 10, 12 chiêng đồng tấu lên giai điệu trầm hùng cùng với trống lớn Bnung. Những trai tráng trong làng cởi trần, đóng khố, tay cầm gậy múa Kơ-tếch, giành riêng cho lễ hội đâm trâu. Những thanh niên khỏe mạnh, đầu chít khăn đỏ, tay cầm chiên gươm sáng loáng lao ra, vừa múa vũ khí, vừa đi vòng tròn để lừa dịp đâm trâu.

Lễ cúng lúa sắp trở bông của đồng bào Ê Đê

Đây là nhóm lễ nghi nông nghiệp phản ánh nét đẹp văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Ê đê ở huyện Krông Bông với ước muốn mong các thần linh phù hộ cho lúa trở bông đều, dài, đầy hạt và đạt năng suất cao. Để thực hiện nghi lễ này lễ vật cúng gồm 4 ché rượu cần, 2 con gà trong đó có 1 con gà lông trắng, 2 con heo. Thời gian tiến hành lễ cúng kéo dài trong 2 giờ.

Lễ bỏ mã

Người dân Tây Nguyên không có tục thờ cúng tổ tiên nên khi người chết được một năm hay đến ba năm thì người thân trong gia đình làm lễ bỏ mã. Ngôi mộ được xây cất kỹ lưỡng, dựng lên một ngôi nhà đẹp để che mưa che nắng, quanh mộ được trang trí bằng các tượng gỗ có hàng rào xung quanh.

Thực chất của lễ bỏ mả là sự tuyên bố đoạn tuyệt của người sống và người chết. Sau lễ này, linh hồn người chết sẽ siêu thoát chuyển sang kiếp khác và mộ người chết trở nên vô chủ.

Lễ cưới cho voi của dân tộc M'ông

Người M'ông không thích cho voi đẻ, có lẽ vì trước đây voi con có sẵn trong rừng, chỉ cần đi săn bắt về thuần dưỡng. Cho nên việc voi đẻ và voi cái “quan hệ” với nhau có con phải kiêng cử, là vi phạm luật. Nếu chúng đã lỡ với nhau rồi thì chủ voi phải làm lễ cho voi.

Đây là một lễ nghi trong vô số những lễ nghi cúng thần voi của dân tộc M'ông. Lễ cưới này thể hiện cư xử và tình cảm của đồng bào cho con voi chẳng khác nào một thành viên thực thụ của cộng đồng.

Lễ cúng cắt ngà voi của người M'ông

Người M'ông thích nuôi voi đẻ hơn voi cái. Tưởng rằng nuôi voi cái đẻ ra voi con, nhưng theo phong tục, đồng bào rất kiêng cử khi voi cái đẻ. Nuôi voi đẻ cắt được ngà, vài ba năm cắt được cặp ngà, một cặp ngà đổi được một con voi con. Một đời voi đẻ cắt được hàng chục lần ngà, có thể cho chủ nhiều của cái, đổi lấy nhiều con voi. Chưa kể nó còn tham gia đi săn bắt voi rừng và vận chuyển giúp thay sức người. Một công dụng nữa của ngà voi là dùng làm đồ trang sức. Nhiều dân tộc ở Tây Nguyên rất thích đeo bông tai ngà voi, phổ biến nhất là người M'ông. Mạ, Xtiêng...

Ngà voi để mọc dài không cắt, hai đầu ngà giáp nhau voi rất khó giờ vùi lấy thức ăn. Những con voi rừng thường bẻ bớt chút đầu nhọn nơi ngà để cho thoáng. Nếu voi nhà nuôi, tự nhiên ngà bị gãy ở giữa hoặc sát môi thì người ta cho là có chuyện, gia đình chủ voi phải cúng lợn hoặc trâu.

Lễ cúng bến nước của dân tộc Ê đê

Một trong những phong tục tập quán lâu đời nhất của đồng bào dân tộc Ê đê là Lễ cúng Bến nước. Lễ cúng được tổ chức hàng năm sau mùa thu hoạch với mục đích cúng tạ thần nước đã đem lại những may mắn trong năm cũ và cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no hạnh phúc. Đây cũng là một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng mang nhiều ý nghĩa tích cực trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Ê đê.

Sau đó cả buôn làng lại quây quần bên nhau để ăn tiệc, uống rượu cần và nhảy múa trong không khí của lễ hội với âm vang rộn ràng của cồng chiêng Tây Nguyên – một di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Lễ ăn cơm mới của dân tộc Ê Đê

Theo các già làng thì Lễ ăn cơm mới của người Êđê diễn ra như sau: Khi lúa trên rẫy đã được gùi về đổ đầy các kho lúa, chủ nhà bắt tay vào việc tổ chức lễ cúng cơm mới. Lễ không tổ chức cho toàn buôn một lúc, mà lần lượt từng nhà. Phụ nữ lo việc bếp núc, nấu nướng. Đàn ông thì lo rượu cần, chuẩn bị heo, gà để giết thịt; vào rừng chặt cây, đẽo cột gong để buộc ché rượu cần; đi mời khách, họ hàng từ các buôn gần xa. Con trai lo chặt củi, con gái lo giã gạo; tiếng chày trong buôn vọng lên từ sáng sớm đến lúc mặt trời lặn. Đám trẻ con háo hức chơi đùa, hoặc vây quanh các phụ nữ đang sửa soạn những áo, váy, khố đẹp, những tấm chăn đen, đỏ rực rỡ dùng cho ngày lễ.

Lễ ăn cơm mới của người Êđê mang đậm nét dấu ấn của tục ăn năm, uống tháng, nhàn hạ trong không khí mùa xuân núi rừng. Họ vui say thoải thích, ca hát thâu đêm, để rồi sau đó lại hăng hái chuẩn bị cho mùa trồng tủa mới với nhiều hy vọng mới.

Lễ hội cồng chiêng

Cồng chiêng không chỉ để giao lưu với thần linh, thông tin đến mọi người trong buôn làng, mà còn là tâm hồn của người Tây Nguyên đầy trữ tình và khát vọng yêu cuộc sống. Cồng chiêng Tây Nguyên bao giờ cũng có bộ, mỗi dân tộc có một bộ chiêng khác nhau, dàn chiêng Ê đê có từ 7-10 chiếc. Chỉ cần nghe âm điệu là biết ngay nơi đó có việc gì đang diễn ra, chiêng bỏ mả chậm chậm như tiếc thương; chiêng đám cưới rộn ràng; chiêng cúng bái trang trọng ngân nga... Cồng chiêng đã trở nên thân quen trong cuộc sống của đồng bào dân tộc. Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là di sản truyền khẩu và phi vật thể nhân loại (25-11-2005).

Lễ cúng sức khỏe cho voi

Lễ cúng sức khỏe cho voi mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp, thể hiện lòng yêu thương quý trọng của con người đối với vật nuôi có giá trị và qua đó nhắc nhở mọi người hãy chăm sóc và bảo vệ đàn voi. Lễ cúng sức khỏe cho Voi mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tại chỗ cần được gìn giữ, bảo tồn và phát huy

Khai thác các sản phẩm nghề thủ công truyền thống và khôi phục phát triển các làng nghề truyền thống có vai trò lớn trong việc phát triển du lịch. Đây là một hướng đi đúng được triển khai tích cực ở thành phố Buôn Ma Thuột vừa giải quyết việc làm, tăng thu nhập, thu hút du khách đến tham quan và mua sản phẩm. Các nghề được tập trung đầu tư như nghề dệt thổ cẩm, nghề điêu khắc, nghề mộc,...

Ngoài những nguồn tài nguyên chính kể trên, thành phố Buôn Ma Thuột còn có Bảo tàng tỉnh với trên 10.000 đơn vị hiện vật, trong đó có nhiều hiện vật quý giá như: Đồ gốm, đồ đá, đồ đồng của người tiền sử và các hiện vật lịch sử cách mạng, hiện vật văn hóa dân tộc là nơi thu hút khách đến tham quan, tìm hiểu văn hóa về tỉnh Đắk Lắk; bên cạnh đó, các nguồn tài nguyên nhân văn khác phục vụ du lịch như văn hoá phi vật thể với các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống của các dân tộc khá độc đáo, như: hát Kuut, Ay ray, Kông tuôr (trao vòng), múa mời rượu, múa khiêng,... hướng về ca ngợi cuộc sống, ca ngợi tình yêu lứa đôi, giáo dục cuộc sống gia đình - xã hội. Đặc biệt, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là “kiệt tác di sản văn hóa truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại” ngày 25/11/2005. (*Bảo tàng Đắk Lắk*)

Đối với ngành Du lịch Đắk Lắk, “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên” đặc biệt có giá trị cao, có khả năng kết hợp với các tài nguyên du lịch khác nhau tạo thành những sản phẩm hấp dẫn khách du lịch.

Từ những đặc trưng riêng biệt về điều kiện tự nhiên và con người nơi đây đã tạo cho Buôn Ma Thuột một nét văn hóa đặc sắc. Từ ngàn xưa, vùng đất Tây Nguyên đã là cái nôi của nhiều nhóm sắc tộc thiểu số, như: Jrai, Bahnar, Ê-đê, Giẻ, Raglai, Sê-đăng, Xtiêng, Mạ, Brâu, Churu, Mnông...

Nhắc đến Buôn Ma Thuột, người ta sẽ nghĩ ngay đến những bản trường ca hào hùng, đến những lễ hội còn ít nhiều nét lạ thường, đến những ngôi nhà sàn, những bức tượng, những lán nhà mồ, nhưng văn hóa ẩm thực cũng là một trong những tài nguyên du lịch độc đáo không thể không nói đến.

Một số món ăn nổi tiếng ở Buôn Mê Thuột

Bún đỏ

Thoạt nhìn nhiều người sẽ lầm tưởng món bún đỏ rất giống với bún riêu hay món canh bún thường bán ở Sài Gòn, nhưng hoàn toàn khác bởi bún đỏ của người

Buôn Ma Thuật được ăn kèm rau cần nước và giá cùng một số phụ gia như mỡ hành, tóp mỡ rán giòn và nhất là trứng cút luộc.

Bún chìa

Bún chìa, đặc sản nổi tiếng Buôn Ma Thuật, có vị khá giống bún bò Huế, song món ăn này không sử dụng thịt bò làm thành phần chính. Bún chìa có nước dùng thanh, đượm vị mắm ruốc, hấp dẫn bởi phần giò chìa thơm ngậy.

Bánh canh cá dầm: Bánh canh cá dầm là món ăn có tiếng với người dân ở Buôn Ma Thuật. Trời se lạnh, chỉ cần cho một thìa nước dùng vào miệng là bạn đã có cảm giác được sưởi ấm với vị cay the the của món ăn.

Bánh bột lọc Đạt Lý

Bánh bột lọc là một loại bánh được từ bằng bột sắn (phương ngữ miền Nam gọi là khoai mỳ) được lọc lấy tinh bột, sau đó được luộc một phần nhỏ bột, nhồi kỹ và làm bánh. Nhân bánh thường bằng tôm trộn với gia vị, có thể làm nhân bằng thịt heo nạc hay hỗn hợp tôm-thịt heo. Sau khi vớt thành bánh, bánh được gói bằng lá chuối (hoặc có thể không gói) và hấp cách thủy.

Bò nhúng me

Là một món ăn lạ, đặc sắc của Tp Buôn Ma Thuật. Thịt bò kèm với nước sốt me được chuẩn bị trên một khay nóng trông hơi giống với món bò bít tết thường ăn ở Hà Nội. Vị chua chua, ngọt ngọt của nước me kèm miếng thịt bò thái mỏng, thêm vị thơm của tỏi phi sẽ khiến bạn ăn hoài không chán. Món này ăn kèm bánh mì thì khỏi phải chê.

Bánh ướt thịt nướng

Dù là khách phương xa hay người dân bản xứ, dù là người Việt Nam hay du khách nước ngoài đã từng thưởng thức món Bánh ướt thịt nướng kiểu Ban Mê sẽ không thể quên cảm giác thú vị của món ăn tuy quen mà lạ này. Không giống bánh ướt thịt nướng được cuốn sẵn và ăn với tương đã được nấu lên của Huế mà món bánh ướt kiểu Ban Mê bạn sẽ phải tự mình “vật lộn” và xoay vần với từng miếng bánh trước khi được thưởng thức.

Bánh Khọt

Cái tên bánh khọt xuất phát từ âm thanh “khọt khọt” vang lên khi chảo bánh bắt đầu sôi. Nhưng cũng có người cho rằng, ngày xưa những người dân nghèo khó không đủ tiền ăn cao lương mỹ vị nên mới chế biến ra loại bánh chỉ toàn bột chứ không có thịt cá gì. Người ta gọi nó là bánh khọt, theo tiếng Hán có nghĩa là nhọc nhằn, cơ cực. Bánh khọt ở Y jut chỉ đơn giản là bánh trắng thêm chút lá hẹ và hành.

Cơm tấm

Cơm tấm là món đặc sản của miền Nam Việt Nam, nó là một trong những món ăn sáng được ưa chuộng nhất của người miền Nam, nhất là Sài Gòn . Hiện nay loại cơm làm từ hạt gạo bẻ này đã có mặt ở một số nơi thuộc miền Trung, miền Bắc trong đó có Buôn Ma Thuột.

Cơm gà

Cơm gà là món ẩm thực quen thuộc của người Việt Nam ,nhưng ở Buôn Ma Thuột lại được chế biến một cách độc đáo và có nét đặc trưng riêng của vùng đất Tây Nguyên này . Cơm được chiên với mỡ gà nên ăn rất béo và giòn ,bên trong hạt cơm rất mềm ,có mùi thơm đặc trưng , gà mềm và dai ,ăn vào có hương vị béo không làm cho người dùng cảm giác gầy gò.

Bánh bèo chén

Được chế biến với bí quyết riêng, món bánh bèo chén ở đây đã mê hoặc không biết bao nhiêu thực khách gần xa. Không giống như những nơi khác, bánh bèo khay ở đây còn được ăn kèm với chả nem và nước chấm, vì vậy đã tạo nên một hương vị riêng biệt cho món bánh bèo khay và sẽ rất khó có thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên mảnh đất Buôn Ma Thuột.

Rau tập tàng

Rau tập tàng là cách gọi tổng hợp các loại rau hoang dã thường mọc ở các khu vườn. Rau tập tàng có quanh năm nhưng ngon nhất là mùa mưa. Bởi, mùa mưa rau phát triển rất mạnh và tươi, nấu canh ăn ngon hết ý.

Một số điểm du lịch nhân văn ở Buôn Mê Thuột

Chùa Sắc Tứ Khải Đoan: Chùa sắc tứ Khải Đoan (Sắc tứ Khải Đoan tự), là ngôi chùa lớn nhất thành phố Buôn Ma Thuột và cả tỉnh Đắk Lắk, nằm ở phường Thống Nhất. Đây cũng là ngôi chùa lần đầu tiên được xây dựng ở Cao Nguyên. Tên gọi Khải Đoan là ghép từ tên vua Khải Định và vợ ông là Đoan Huy hoàng thái hậu. Chùa được xây bắt đầu từ năm 1951 trên đường Phan Bội Châu thành phố Buôn Ma Thuột do Đoan Huy hoàng thái hậu mẹ vua Bảo Đại cho xây dựng và thứ phi Mộng Điệp trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý việc thi công. Là ngôi chùa cuối cùng tại Việt Nam được phong sắc tứ của chế độ phong kiến. Chùa hiện tại đã được bổ sung rất nhiều công trình mới nhưng vẫn giữ nguyên vẹn chính điện cũ và vẫn là một nơi thờ phụng lớn nhất của Phật giáo tại Đắk Lắk và là một điểm du lịch tham quan không thể bỏ qua ở thành phố Buôn Ma Thuột.

Đình Lạc Giao: Đình Lạc Giao nằm trong địa phận phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, với diện tích 700m², phía Nam giáp đường Y Jút, phía Tây và phía Bắc giáp chợ Buôn Ma Thuột, phía Đông giáp đường Phan Bội Châu. Đình Lạc Giao là di tích lịch sử về công cuộc khai khẩn đất đai của những người Kinh đầu tiên trên Cao Nguyên Đắk Lắk, là nơi thờ thần hoàng và những người có công với nước, là nơi cầu mong sức khỏe và làm ăn phát đạt.

Nhà đày Buôn Ma Thuột: Nhà đày Buôn Ma Thuột do thực dân Pháp thiết lập trong thời kỳ 1930 – 1931 để đày biệt xứ và giam giữ những người yêu nước, những đảng viên cộng sản bị bắt, bị xử án nặng ở các tỉnh Trung Kỳ, những người đi đầu trong các cuộc đấu tranh phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Tòa Giám mục Buôn Ma Thuột: Tòa giám mục có thiết kế đẹp theo kiểu nhà dài người Ê Đê. Đây là một công trình kiến trúc cổ có quy mô to lớn, tọa lạc ở 104 Phan Chu Trinh. Đây là một công trình kiến trúc cổ được xây dựng hầu hết bằng chất liệu gỗ, lợp ngói vảy cá, có quy mô rất lớn. Tòa nhà có kiến trúc đẹp và mang đậm dấu ấn phong cách nhà dài truyền thống của người Ê Đê bản địa nằm giữa một khuôn viên rộng với nhiều giống cây cỏ hoa lá lạ và được thiết kế và xây dựng bởi các nghệ nhân Công giáo Ê đê xưa với bàn tay khéo léo rất rất công phu.

Bảo tàng cà phê: Với không gian mở chia thành nhiều khu khác nhau, bảo tàng thế giới cà phê được thiết kế theo kiến trúc nhà dài của đồng bào Tây Nguyên. Không

gian triển lãm tương tác với khách tham quan qua những trải nghiệm nghe, nhìn, nếm, ngửi, chạm. Các hiện vật được sưu tầm từ khắp nơi trên thế giới, bài trí ngay trên lối đi, không đóng trong tủ kính, tạo cảm giác chân thực và gần gũi.

Làng cà phê Trung Nguyên: Làng cà phê Trung Nguyên hay còn được gọi là Làng Cà phê là một cụm công trình kiến trúc có diện tích lớn nằm ở phía Tây Bắc Thành phố, tọa lạc tại ngã ba Lý Thái Tổ – Nguyễn Hữu Thọ. Đây là một địa điểm du lịch nổi tiếng ở Tây Nguyên với không gian kiến trúc độc đáo đậm đà bản sắc dân tộc và không gian cà phê đặc sắc.

Buôn Tuôr: Nằm trên QL14 thuộc xã Hòa Phú, buôn Tuôr là một trong những buôn của người Ê Đê còn lưu giữ những ngôi nhà dài và duy trì tập quán sinh hoạt cổ xưa như chế độ mẫu hệ, sống quần cư, ở nhà sàn, những ngôi nhà không có cổng hay hàng rào...

Buôn Kmrong Prông: Thuộc xã Ea Tu, buôn vẫn lưu giữ những truyền thống, tập tục kỳ lạ như giữ rừng và bảo vệ nguồn nước. Bên nước là nơi gắn liền với đời sống văn hóa tâm linh của đồng bào Tây Nguyên, tại đây bên nước vẫn giữ được kết cấu tổ ong nguyên thủy. Bên trên là những khu rừng nguyên sinh bạt ngàn với các cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi khiến cho không khí ở buôn luôn trong lành, mát mẻ. Hàng năm, sau mỗi mùa thu hoạch, người dân trong làng đều tổ chức lễ cúng bên nước để tạ ơn thần linh đã cho một mùa bội thu và cầu nguyện cho dân làng có mùa rẫy tiếp theo được mưa thuận gió hòa, mọi người đều bình an.

Nhà sàn cổ

Ngôi nhà lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị lịch sử văn hóa. Nhà sàn này được làm theo kiến trúc nhà sàn của dân tộc Lào, là nhà của Khun Yu Nôb. Đây là nhà của một thợ săn voi nổi tiếng ở bản Đôn và được mệnh danh là vua voi. Hiện tại ngôi nhà đã có đến trên 115 năm tuổi; được làm hoàn toàn bằng các loại gỗ tốt của rừng già Buôn Đôn như Hương, Cẩm xe, Cà chít...đặc biệt nhất là ngay cả mái ngói cũng được đẽo gọt công phu từng viên bằng tay từ gỗ Cà Chít.

Trong nhà còn lưu giữ rất nhiều kỉ vật về cuộc đời và đồ nghề săn bắt voi của vị vua voi Bản Đôn và những người kế tục. Giá của ngôi nhà khi xây dựng là 10 con voi lớn và mất gần 3 năm để hoàn thành.

Mộ vua Voi

Đây là khu lăng mộ của gia đình vua voi Khun Yu Nốp, một nhân vật lịch sử đã trở thành một huyền thoại của vùng Bản Đôn nổi tiếng về truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng. Vua Voi, hay Khun Yu Nốp, là danh hiệu vua Xiêm (Thái Lan) ban cho N' Thu K' Nul, người dân gốc được coi như người khai sinh ra Bản Đôn với nghề săn bắt thuần dưỡng voi. Khu lăng mộ vua voi nằm trong quần thể nghĩa địa của buôn Yang Lành với những ngôi mộ được trang trí bằng tượng nhà mồ, một nét rất đặc trưng của văn hoá Tây Nguyên.

Cầu treo Buôn Đôn: Cầu treo Buôn Đôn là một hệ thống các đoạn cầu được kết nối với nhau để du khách có thể di chuyển giữa các điểm

Cầu treo buôn Đôn là một cây cầu treo thô sơ bằng vật liệu tre nứa để phục vụ nhu cầu du lịch và cũng là tên một địa danh du lịch nổi tiếng của Bản Đôn. Cầu được làm bằng vật liệu tre, nứa, song, mây có gia cố thêm cáp sắt. Cầu được bắc trên một cây gừa cổ thụ khổng lồ hàng trăm năm tuổi, mọc ven bờ sông Serepôk đoạn chảy qua Bản Đôn và trùm qua một đảo nhỏ giữa dòng Serepôk. Tán cây bao trùm một diện tích tới trên một ha đất với nhiều gốc do các đoạn rễ phụ tạo thành nên trông rất lạ mắt. Cây cầu dài chừng 1 km, với nhiều phân đoạn gắn kết hài hòa với một hệ thống sàn nghỉ, nhà hàng gia công bằng gỗ cũng hoàn toàn nằm trên cây.

Ngã 6 Ban Mê nơi mà du khách đến Buôn Ma Thuột đều tò mò ghé qua. Ngã 6 Ban Mê là trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột. Ở đây có Tượng đài chiến thắng Buôn Ma Thuột được coi như biểu tượng của thành phố.

Cây Kơ Nia: Do bài hát Bóng cây Kơ-nia nổi tiếng vì vậy du khách khi đến Buôn Ma Thuột luôn muốn tìm xem tận mắt cây Kơ Nia. Ở trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột có một cây Kơ nia cổ thụ nằm trong khuôn viên sân sau nhà văn hóa trung tâm tỉnh, cách ngã 6 Ban Mê vài trăm mét.

Buôn AKô Đhông: Buôn Cô Thôn là một buôn làng khá bình yên nằm ngay trong lòng thành phố. Buôn AKô Đhông hay Buôn Cô Thôn, làng Ma Rin là một buôn làng người Ê Đê ở thành phố Buôn Ma Thuột. AKô Đhông theo tiếng Ê Đê có nghĩa là buôn đầu nguồn vì nó ở đầu nguồn một con suối lớn ở Buôn Ma Thuột là suối Ea Nuôl. Ở đây nguồn suối bắt đầu cũng chính là bến nước cũ của buôn, một bến nước rất đẹp nhưng hiện tại không còn được sử dụng do bị ô nhiễm vì ở ngay trung tâm thành phố. Buôn nằm ở cuối đường Trần Nhật Duật. Đây là một buôn được quy hoạch rất

đẹp và giữ được nhiều giá trị truyền thống, hiện tại là một điểm du lịch hấp dẫn của thành phố. Nằm trong quy hoạch khu trung bày lịch sử của Buôn Ma Thuột.

Bảo tàng Đắk Lắk: Bảo tàng Đắk Lắk là một trung tâm bảo tồn và trưng bày về lịch sử và văn hoá các dân tộc tỉnh Đắk Lắk. Du khách đến đây không chỉ để tham quan, giải trí, mà còn để tìm hiểu, nghiên cứu về lĩnh vực văn hóa dân tộc và các lĩnh vực chuyên ngành khác ở Đắk Lắk.

Khu Biệt điện Bảo Đại: Biệt Điện này với tuổi thọ trên 80 năm đã trở thành một công trình kiến trúc cổ. Khuôn viên Biệt Điện rất đa dạng về chủng loại và kích thước, là nơi duy nhất trong thành phố có nhiều cây nguyên sinh và cây cổ thụ với tuổi thọ hàng trăm năm. Sau năm 1977, tòa nhà được sử dụng làm nhà khách và một phần làm bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam tại Đắk Lắk

Tóm lại: Tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú được khai thác phát triển nhiều loại hình du lịch như sinh thái, văn hóa, cộng đồng, du lịch tham quan dã ngoại, vui chơi giải trí... đã hình thành một số khu, điểm du lịch nổi bật như Khu Du lịch thác Dray Sáp Thượng, Khu Du lịch Văn hóa sinh thái Buôn Đôn, du lịch cầu treo buôn Trí - Buôn Đôn; Du lịch hồ Lắk; làng du lịch văn hoá Buôn Jun - huyện Lắk; điểm Du lịch thác Bảy nhánh - Buôn Đôn; du lịch Vườn quốc gia Yok Đôn; Công viên nước Đắk Lắk... Với tiềm năng khai thác du lịch hiện nay, ngành Du lịch đã thu hút được các doanh nghiệp lữ hành trong khu vực và trên cả nước kết nối tour đưa khách du lịch đến Đắk Lắk tham quan, nghỉ dưỡng.

2.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng

2.2.2.1 Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Là trung tâm của Đắk Lắk, Buôn Ma Thuột có khoảng hơn 30 khách sạn nhà nghỉ tập trung hầu hết các khách sạn nhà nghỉ của tỉnh với công suất có thể phục vụ hàng nghìn du khách cùng một thời điểm. Tuy chưa có nhiều cơ sở lưu trú cao cấp như nhiều địa phương khác nhưng nhìn chung các cơ sở lưu trú tại đây khá đầy đủ tiện nghi với giá cả phù hợp và khá đa dạng với nhiều loại hình lưu trú. Buôn Ma Thuột có rất nhiều địa điểm lưu trú đẹp, phù hợp với giới trẻ thích check-in.

Một số khách sạn ở Buôn Ma Thuột:

1. Khách sạn Dakruco Buôn Ma Thuột gần trung tâm

Dakruco Hotel là khách sạn 4 sao của mảnh đất Tây Nguyên. Nơi đây mang đậm vẻ đẹp của bạt ngàn cao su, cà phê và âm thanh của công chiêng Tây Nguyên. Tọa lạc trên một diện tích rộng lớn, Dakruco Hotel bài trí và thiết kế theo phong cách hiện đại.

2. Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê

Khách sạn Sai Gon Ban Me Hotel cũng là khách sạn gần trung tâm thành phố. Đến đây du khách sẽ được mua quà lưu niệm địa phương và dễ dàng di chuyển đến chợ, Bảo tàng Đắk Lắk cũng như Làng Akothon. Cũng như thưởng thức các món ăn Châu Á và phương Tây tại các nhà hàng trong khuôn viên.

3. Khách sạn Mường Thanh Buôn Ma Thuột

Khách sạn có hồ bơi ngoài trời và tầm nhìn rộng toàn thành phố. Quý khách thỏa sức chơi thể thao với hệ thống sân chơi đẹp. Mỗi phòng được trang bị đầy đủ thiết bị giúp bạn thoải mái tận hưởng không gian sống,...

Bên cạnh những khách sạn tiện nghi, sang trọng, Buôn Mê Thuột còn có nhiều cơ sở lưu trú homestay thực sự ấn tượng.

Zan HomeStay: Zan Homestay sở hữu hệ thống phòng nghỉ không chỉ đẹp mà còn gây ấn tượng mạnh với mọi du khách nhờ không gian được trang trí rực rỡ sắc màu.

Lee's House Homestay Buôn Ma Thuột: Lee's House được chia thành hai khu vực riêng với đủ những căn bungalow nhỏ có cửa kính, có rèm, có ghế mây đặt sẵn trước hiên nhà cùng muôn vàn những điều thú vị khác.

An Homestay Buôn Ma Thuột: Chỉ là một căn nhà bé bé xinh xinh nằm trong hẻm thoi, ấy thế mà An Homestay vẫn đẹp, vẫn gây thương nhớ tới mọi du khách nhờ không gian được decor theo lối trẻ trung, gợi mở.

Trên địa bàn thành phố có trên 10 nhà hàng nổi tiếng mang nhiều phong cách kiến trúc đa dạng từ Âu sang Á đặc biệt mang hơi hướng của núi rừng tây nguyên chính là điểm đặc biệt của các nhà hàng nơi đây như Nhà hàng Hoa Mai, nhà hàng Buôn Ma Thuột Hoa Lư, Nhà hàng Hoàng Gia BBQ, Thaideli BMT

Các cơ sở vui chơi trên địa bàn tỉnh còn mang nhiều những yếu tố thiên nhiên giúp cho người dân và khách du lịch có thể giải tỏa căng thẳng mệt mỏi sau những giờ làm việc mệt mỏi để hòa mình với thiên nhiên trong lành như: Công viên Nước Đắk Lắk, Khu Du lịch hồ Lắk, Trung tâm Du lịch Buôn Đôn, Thác Bảy Nhánh,

Trung tâm Dịch vụ Du lịch Sinh thái và Giáo dục môi trường Yok Don, Bảo tàng Thế giới Cà phê...

2.2.2.2 Cơ sở hạ tầng:

Đắk Lắk có vị trí quan trọng trong khu vực Tây Nguyên, nhưng hạ tầng giao thông của tỉnh chưa phát triển đồng bộ và đó là điểm nghẽn cho sự phát triển và thu hút đầu tư của địa phương này. Các phương thức vận tải trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung vào đường bộ, chiếm 95% phương thức vận chuyển, đường hàng không chỉ đảm bảo vận chuyển 5% còn lại.

Hệ thống mạng lưới quốc lộ (giao thông đối ngoại) qua địa bàn tỉnh gồm 7 tuyến, chiều dài đang khai thác là 678 km, bao gồm: đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14), Quốc lộ 26, Quốc lộ 27, Quốc lộ 29, Quốc lộ 14C, Quốc lộ 19C và đường Trường Sơn Đông. Trong những năm qua, tỉnh đã được đầu tư xây dựng và mở rộng nhiều tuyến đường giao thông quan trọng. Trong đó, các dự án lớn đã và đang mang lại những hiệu quả tích cực, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng trên các tuyến giao thông trọng điểm. Trước năm 2015, đường Hồ Chí Minh qua địa bàn Đắk Lắk luôn là nỗi ám ảnh với người dân, tấp nập khi lưu thông qua đây. Tại những cuộc tiếp xúc cử tri được tổ chức ở các địa phương trong tỉnh Đắk Lắk, hàng trăm ý kiến của cử tri đã bày tỏ mong muốn tuyến đường được đầu tư, xây dựng để đáp ứng nhu cầu đi lại và hạn chế tai nạn giao thông do đường hư hỏng, xuống cấp. Cuối năm 2013, các dự án trên tuyến chính thức được khởi công và đến năm 2015 hoàn thành đưa vào sử dụng. Đây được xem là "đấu mốc" quan trọng trong xây dựng hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Cùng với hệ thống tỉnh lộ, các công trình cầu treo, cầu dân sinh trên đường bộ đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối giao thông ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh Đắk Lắk cũng được triển khai xây dựng. Theo thống kê, toàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 433 cầu dân sinh, trong đó đã hoàn thành 9 cầu theo Đề án xây dựng cầu treo dân sinh của Bộ GTVT. Hiện nay, Bộ GTVT đang tiếp tục triển khai Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý đường địa phương (dự án LRAMP) thực hiện trong giai đoạn từ năm 2017 - 2020 và kéo dài qua năm 2021, với tổng số 112 cầu...

Đường không: Sân bay Buôn Ma Thuột nằm cách trung tâm thành phố khoảng 8 km về phía Đông Nam theo đường quốc lộ 27 đi Đà Lạt – Lâm Đồng. Hiện tại đây toàn bộ các hãng hàng không ở Việt Nam đều thiết lập đường bay đến, xuất phát từ Hà

Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vinh và Sài Gòn. Giá vé máy bay khứ hồi từ Hà Nội vào khoảng 1500-2000k, từ Sài Gòn vào khoảng 1000-1500k tùy hãng.

Đường bộ: Với hệ thống đường bộ dày đặc, hầu hết từ khắp mọi miền các bạn đều có thể mua vé xe khách để tới Buôn Ma Thuột. Từ Sài Gòn và các tỉnh miền Nam, Trung xe sẽ chạy hàng ngày do quãng đường ngắn. Từ Hà Nội, do quãng đường dài nên số lượng xe sẽ không nhiều bằng và lịch chạy xe thường cách ngày.

2.2.3 Lao động trong du lịch

Do hoạt động kinh doanh du lịch mới được phát triển trên địa bàn Tỉnh trong những năm gần đây nên đội ngũ cán bộ, nhân viên kinh doanh du lịch còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Năm 2010, toàn Tỉnh có 1.800 lao động trong ngành Du lịch, số lao động tăng gần 2 lần so với năm 2005 (năm 2005, số lao động là 920 người). Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 13,10%/năm (giai đoạn 2006-2010). Mặc dù, tăng trưởng với tốc độ tương đối cao, song chất lượng nguồn nhân lực vẫn là điểm yếu. Số lao động chưa qua đào tạo chiếm hơn 55% (khoảng 1.000 người), tác động trực tiếp đến chất lượng của hoạt động du lịch của Tỉnh.

Đến năm 2020, lao động trong lĩnh vực du lịch 13.000 người, trong đó lao động trực tiếp 4.080 người; Dự kiến đến năm 2030: 34.800 người, trong đó lao động trực tiếp 11.000 người; Tốc độ tăng trưởng lao động trực tiếp đạt 0,40%/năm (giai đoạn 2016 - 2020) và 10,31%/năm (giai đoạn 2021 - 2030).

UBND tỉnh đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch Đắk Lắk giai đoạn 2017 – 2020 nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ nhân viên du lịch, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kinh tế quan trọng này. Kế hoạch trên đã nhận được sự quan tâm, triển khai tích cực của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như cộng đồng làm du lịch trên địa bàn tỉnh. Từ cuối năm 2017 đến nay, phòng Quản lý du lịch ngoài hàng chục lớp đào tạo ngắn hạn của các tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp làm du lịch, sở chủ quản còn kết hợp với các bộ, ngành Trung ương và địa phương tổ chức được 18 lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, phục vụ du lịch cho gần 1.400 học viên đến từ các cơ sở lưu trú, khu, điểm du lịch trên địa bàn trọng điểm. Nhờ vậy, chất lượng (sản phẩm, chương trình cũng như cung cách phục vụ) tại hầu hết điểm đến du lịch ở đây được cải thiện và nâng cao so với trước.

Theo đánh giá của Phòng Quản lý du lịch (Sở VH-TT-DL), nếu như trước năm 2017, nguồn nhân lực phục vụ du lịch có gần 70% chưa qua đào tạo thì đến nay chỉ còn khoảng 20%. Có nghĩa là hơn 3.000 lao động trực tiếp tham gia hoạt động du lịch trên địa bàn đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp thông qua các kênh của Trung tâm Thông tin - Xúc tiến du lịch tỉnh, Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk, cộng đồng doanh nghiệp tự thân kết nối chương trình đào tạo với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề du lịch trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Đứng trước nhu cầu về nguồn lao động lớn để đáp ứng tổ chức các hoạt động du lịch thì ở 1 số địa điểm du lịch đã sử dụng trực tiếp nguồn lao động là người dân địa phương để giải quyết các nhu cầu về việc làm.

2.2.4 Các điều kiện khác:

Chính sách đầu tư ,giữ gìn, bảo tồn, phát huy các loại hình văn hoá vật thể, phi vật thể của tỉnh Đắk Lắk và Tây Nguyên phục vụ phát triển du lịch

Trong giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các dân tộc thiểu số, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có cơ chế, chính sách hỗ trợ trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc; phối hợp với các tỉnh khu vực Tây Nguyên triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

Hỗ trợ phục dựng, bảo tồn, phát huy một số lễ hội truyền thống như: lễ hội của dân tộc Brâu, lễ hội của dân tộc Xơ Đăng, lễ hội của dân tộc Gia rai, tỉnh Kon Tum; hỗ trợ bảo tồn 02 lễ hội dân tộc Cơ Ho, tỉnh Lâm Đồng; hỗ trợ bảo tồn 02 lễ hội truyền thống dân tộc M'Nông, tỉnh Đắk Nông; lễ hội dân tộc Ba Na, tỉnh Gia Lai.

Hỗ trợ bảo tồn làng, bản, buôn truyền thống: làng dân tộc Mạ tại buôn P'Tông, Xã Đắk Plao, huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông; làng dân tộc Gia Rai tại làng Ploi Oì, xã Yaun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; làng dân tộc Chu Ru tại xã P'rôh, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Hỗ trợ phát triển hệ thống vui chơi, giải trí cho trẻ em khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới tại tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông.

Hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm văn hóa thông tin cho các đồn Biên phòng và các đội tuyên truyền văn hóa Bộ đội Biên phòng để xóa các điểm trắng văn hóa tại vùng biên

giới, ven biển, hải đảo. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm cho đồn Biên phòng các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Hàng năm, hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh khu vực Tây Nguyên sản xuất và cung cấp sản phẩm văn hoá, thông tin phù hợp cho đồng bào dân tộc thiểu số, các xã khu vực III, các trường dân tộc nội trú, trong đó có tỉnh Đắk Lắk.

Về hoạt động tổ chức Ngày hội, Giao lưu văn hóa nghệ thuật: trong năm 2019, 2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với UBND tỉnh Đắk Nông tổ chức Lễ hội văn hóa thổ cẩm Việt Nam 02 lần với chủ đề "Văn hóa thổ cẩm - tinh hoa hội tụ". Lễ hội đã thu hút hơn 2.000 nghệ nhân, nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công, vận động viên quần chúng là đồng bào các dân tộc thiểu số ở 17 tỉnh, thành phố và một số đoàn khách quốc tế tham gia.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 357/QĐ-BVHTTDL về việc tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc vùng Tây Nguyên lần thứ I tại tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên hiện nay tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, UBND tỉnh Kon Tum đã có Công văn đề nghị tạm dừng tổ chức Ngày hội. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ phối hợp với UBND tỉnh Kon Tum và các tỉnh khu vực Tây Nguyên tổ chức Ngày hội vào thời điểm thích hợp. Về hoạt động truyền dạy văn hóa phi vật thể, xây dựng các mô hình văn hóa truyền thống và tổ chức tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, bài trừ hủ tục lạc hậu. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ văn hóa xã, già làng, trưởng thôn bản, nghệ nhân thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn, xã biên giới, vùng dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên; xây dựng mô hình câu lạc bộ Công chiêng dân tộc K'ho gắn với bảo tồn, phát huy phục vụ phát triển du lịch trong phong trào xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Lâm Đồng; xây dựng câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian cho các dân tộc có số dân ít người tại huyện Đắk Hà.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I, từ năm 2021 - 2025, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện dự án "Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch" trên cơ sở thực trạng và đề xuất của các địa phương, trong đó có các tỉnh khu vực Tây Nguyên nói

chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương như: Đề án "Đưa các chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số", Đề án "Tổ chức định kỳ Ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; Đề án "Bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay"

- Về đề nghị có phương án đầu tư phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch tại tỉnh Đắk Lắk phù hợp với tiềm năng sẵn có của địa phương

Việc tăng cường đầu tư phát triển đa dạng sản phẩm để nâng cao sức hấp dẫn cho điểm đến du lịch là một định hướng đúng đắn. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẵn sàng hỗ trợ về định hướng loại hình sản phẩm du lịch của tỉnh Đắk Lắk phù hợp với lợi thế của địa phương và nhu cầu thị trường, cũng như phối hợp tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư để giới thiệu, thu hút các nhà đầu tư quan tâm.

- Về đề nghị thông qua du lịch có thể quảng bá các sản phẩm nông nghiệp:

Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tham gia, phối hợp cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ tiếp tục cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hỗ trợ, tư vấn và đồng hành với Đắk Lắk phát triển loại hình du lịch mới và tiềm năng này. Đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để thống nhất triển khai chương trình phát triển du lịch nông nghiệp trên địa bàn.

2.3 Thực trạng phát triển du lịch

2.3.1 Các loại hình du lịch

Với những điều kiện sẵn có, Đắk Lắk có phát triển đa dạng các loại hình du lịch

Du lịch sinh thái dã ngoại:

Du lịch tham quan làng văn hóa, sinh thái quanh các hồ bằng thuyền độc mộc hoặc các phương tiện khác, du lịch vượt sông Sêrêpôk bằng hệ thống cầu treo bắt qua rừng si, tham quan thắng cảnh, các thác nước đẹp nhất Tây Nguyên.

Du lịch mạo hiểm trên hồ, du lịch leo núi.

Du lịch tham quan nghiên cứu rừng và động vật rừng quý hiếm phục vụ bảo tồn tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và động vật bán hoang dã phục vụ săn bắn du lịch.

Du lịch cà phê: tham quan vườn cà phê, tìm hiểu quá trình chăm sóc, thu hoạch, chế biến... và uống cà phê Buôn Ma Thuột ngay tại vườn cà phê, bên những góc cà phê trữu quả...

Du lịch sinh thái cuối tuần tại các khu du lịch: : Khu du lịch văn hóa sinh thái cộng đồng Suối Xanh; Khu du lịch sinh thái văn hóa Ko Tam; Công viên nước Đăk Lăk; Làng Cà phê Trung Nguyên; Điểm du lịch sinh thái Đầu Nguồn; khu du lịch hồ Đồi Thông; Điểm du lịch và kết hợp nghỉ dưỡng rừng Ea Km

* Du lịch văn hóa:

Các công trình văn hóa, di tích lịch sử, di tích cách mạng đã và đang có kế hoạch sửa chữa, tôn tạo, tu bổ như: Sa bàn chiến thắng Buôn Ma Thuột, nhà đày Buôn Ma Thuột, các bảo tàng lịch sử, Bảo tàng cách mạng Bảo tàng tỉnh;, Di tích lịch sử số 04 Nguyễn Du (02 Y Ngông), đình Lạc Giao, Bia tưởng niệm 100 chiến sĩ Nam Tiến; Điểm mở đầu trận đánh Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đăk Lăk; công viên Ama Thuột; buôn Ako Dhông; buôn Tour; buôn Kmrong Krông B;... sẽ thu hút sự quan tâm của khách du lịch.

Tham quan tìm hiểu tập quán đời sống văn hóa cộng đồng, khám phá nghề truyền thống, săn bắt và thuần dưỡng voi rừng, du lịch trên lưng voi, đám cưới sử dụng voi, thăm bảo tàng voi và trung tâm biểu diễn voi tại Buôn Đôn.

Du lịch lễ hội, tìm hiểu truyền thống lịch sử văn hóa các dân tộc, các làng nghề truyền thống, trò chơi dân gian trong các dịp lễ hội như: lễ hội đua voi tháng 11 hàng năm tại Buôn Đôn...

Văn hóa ẩm thực: Thường thức rượu cần, cơm lam gà nướng, cà đắng và các món ăn đặc sản của đồng bào dân tộc như: Núc nác xào, dọt mây hầm chân giò, canh lá bép...

* Du lịch vui chơi giải trí:

Khu tổ hợp vui chơi giải trí tại khu du lịch Buôn Đôn, Lăk, Ea Kao, Công viên nước DakLak...

Du lịch vui chơi giải trí câu cá thư giãn trên hồ Ea Kao, Ea Chư Cáp, xem văn nghệ, biểu diễn xiếc thú.

2.3.2 Số lượng khách, kết quả kinh doanh

2.3.2.1. Số lượng khách

Hoạt động kinh doanh du lịch của tỉnh Đắk Lắk trong những năm qua đã có những bước phát triển mạnh mẽ, không chỉ thể hiện ở sự tăng trưởng của các chỉ tiêu đánh giá ngành Du lịch như: Lượt khách du lịch, doanh thu du lịch, cơ sở lưu trú, mà còn có sự chuyển biến rõ nét về mọi mặt kinh tế - xã hội. Hiệu quả hoạt động của ngành Du lịch đã đóng góp tích cực vào công cuộc chuyển đổi cơ cấu ngành của địa phương, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển các ngành kinh tế - xã hội và đặc biệt là cải thiện, nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư

Đắk Lắk có nhiều tiềm năng phát triển du lịch với các loại hình đa dạng như du lịch sinh thái, cảnh quan; du lịch văn hóa, lịch sử; lễ hội... Đầu tư khai thác các tiềm năng du lịch sẽ góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong giai đoạn 2018-2020, khách du lịch đến Buôn Mê Thuột tăng nhẹ từ 2018-2019 nhưng giảm mạnh vào 2020, đến năm 2020 còn 524000 nghìn lượt khách. Trong khi đó năm 2018 là 703000 nghìn lượt khách.

Bảng 1: số lượng khách du lịch đến Dak Lak giai đoạn 2018 – 2021 (lượt khách)

Năm	Tổng lượt khách		Khách nội địa		Khách quốc tế	
	Lượt khách	Mức tăng/giảm	Lượt khách	Mức tăng/giảm	Lượt khách	Mức tăng/giảm
2018	703000	-	636000	-	67000	-
2019	765000	8,82%	674000	5,97%	91000	35,82%
2020	524000	-31,5%	475000	-29,67%	49000	-46,15%

(Sở văn hóa, thể thao và du lịch Đắk Lắk)

Riêng tháng 9/2020, khách quốc tế đến tỉnh giảm hơn 15% so với tháng 8 và giảm hơn 99% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân là do Đắk Lắk tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế. Do đó, lượng khách quốc tế đến chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở trong tỉnh.

Cũng theo thống kê, trong 9 đầu năm 2020, khách đến từ châu Á chiếm 73,1% tổng số khách quốc tế đến nước ta, giảm gần 73% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách đến từ hầu hết các thị trường chính đều giảm mạnh: Trung Quốc giảm hơn 76%,

Hàn Quốc giảm hơn 73%; Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc) giảm hơn 71%, Malaysia giảm 73%. Riêng khách đến từ Campuchia tăng gần 12%.

Khách đến từ châu Âu giảm hơn 58% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, khách Nga giảm hơn 48 %; khách Vương quốc Anh giảm 65,5%; Pháp giảm hơn 65%; Đức giảm hơn 62%...

Trong năm 2021, khách du lịch quốc tế đến Đắk Lắk ước đạt 3 nghìn lượt, khách du lịch nội địa ước đạt hơn 66 nghìn lượt. Doanh thu du lịch ước đạt 68 tỷ đồng, giảm 43,33% so với tháng 1 năm 2020.

Để khắc phục những ảnh hưởng của dịch bệnh, thời gian tới, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Chương trình kích cầu du lịch khắc phục hậu quả dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; chỉ đạo Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk khẩn trương triển khai, cụ thể hóa các nội dung đã ký kết với Liên minh kích cầu du lịch Việt Nam và các địa phương (Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Quảng Ninh và Ninh Bình). Đồng thời, căn cứ vào các tiêu chí về du lịch an toàn với dịch Covid-19 được ban hành của Hiệp hội Du lịch Việt Nam để triển khai đến các đơn vị kinh doanh là hội viên của Hiệp hội để đăng ký tham gia Chương trình kích cầu du lịch Việt Nam; chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, vận chuyển, mua sắm,... tập trung phòng, chống dịch, bảo đảm an toàn cho du khách và tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình kích cầu du lịch Việt Nam; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý du lịch, nâng cấp cơ sở vật chất, dịch vụ và đào tạo tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại đơn vị,...

Trong thời điểm hiện tại tại lữ hành nội địa trên địa bàn tỉnh đã mở cửa và khởi động trở lại phục vụ du khách. Theo Phòng Quản lý du lịch (Sở VH-TT-DL), điều đó cho thấy sự nhanh nhạy của các doanh nghiệp ở đây khi nhận ra thị trường du lịch nội địa đã có tín hiệu lạc quan và sáng sửa hơn sau thời gian giãn cách toàn xã hội (từ ngày 1 đến ngày 15-4) theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ nhằm ngăn chặn đại dịch Covid - 19. Đến nay đã có 21 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tham gia kích cầu du lịch với nhiều giải pháp cụ thể, năng động như giảm giá (lưu trú, dịch vụ, vận chuyển, mua sắm) từ 25 – 50% cho du khách khi đến đây. Theo đó, các đơn vị tham gia kích

cầu này còn đưa ra cam kết thực hiện nghiêm những tiêu chí du lịch an toàn cho du khách do Hiệp hội Du lịch Việt Nam ban hành. Ông Võ Văn Tâm, Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk cho hay, vấn đề an toàn cho du khách trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid - 19 hiện nay luôn được đặt lên hàng đầu. Hiệp hội đã phối hợp với các cơ quan chức năng quán triệt công tác này đến tất cả 25 đơn vị lữ hành quốc tế và nội địa, 21 điểm đến cũng như toàn bộ cơ sở lưu trú, nhà hàng và điểm mua sắm trên địa bàn tỉnh.

3.3.2.2. Doanh thu du lịch

Do nền kinh tế vẫn chưa hết khó khăn, người dân vẫn còn xu hướng hạn chế các khoản chi tiêu cho hoạt động du lịch. Mặt khác, du lịch tỉnh Đắk Lắk còn nhiều khó khăn trong việc giữ chân du khách lâu dài, do sản phẩm du lịch không mới, trùng lặp giữa nhiều điểm du lịch; Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, liên kết và hợp tác phát triển du lịch liên vùng, khu vực còn hạn chế; Chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực du lịch chưa cao... Trong những năm từ 2019 đến nay ảnh hưởng của đại dịch COVID cũng khiến cho ngành du lịch thiệt hại nặng nề làm suy giảm lượng khách ảnh hưởng đến doanh thu du lịch

Bảng 2: Doanh thu ngành du lịch qua các năm (Tỷ đồng)

Năm	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng trưởng/KH(%)	Tăng trưởng(%)
2018	600000	610000	101,67	-
2019	650000	660000	102,56	28,53
2020	680000	680000	100,00	14,48

(Sở văn hóa, thể thao và du lịch Đắk Lắk)

Doanh thu du lịch tỉnh Đắk Lắk có sự tăng trưởng đáng kể. Doanh thu du lịch tăng đều qua các năm, mức tăng trung bình đạt khoảng 18,5%/năm. Năm 2018, doanh thu du lịch, đạt 101,67% so với kế hoạch, tăng 27,08% so với cùng kỳ năm trước. Đến năm 2020, doanh thu thực tế là 680 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch và tăng 14,48% so với năm 2019 (Bảng 2).

Từ đầu năm đến cuối tháng 7-2021, số lượng khách du lịch đến Đắk Lắk hơn 391.000 lượt, bằng 47% so với kế hoạch. Doanh thu toàn ngành đạt thấp với khoảng 339 tỷ đồng, bằng 48% so với kế hoạch. Doanh thu trên chủ yếu đến từ các cơ sở lưu trú, dịch

vụ - thương mại. Còn hoạt động lữ hành, cũng như kinh doanh tại 28 khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh hầu như “đóng băng” do dịch bệnh COVID - 19 bùng phát trở lại từ cuối tháng 4 đến nay. Những tháng cuối năm 2021, ngành du lịch Đắk Lắk đặt ra mục tiêu đón khoảng 500.000 lượt khách, doanh thu ước đạt 400 tỷ đồng, nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm nay là thu hút 855.000 lượt khách, tổng doanh thu đạt 750 tỷ đồng.

2.3.3 Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch:

Hoạt động kinh doanh du lịch của tỉnh Đắk Lắk trong những năm qua đã có những bước phát triển mạnh mẽ, không chỉ thể hiện ở sự tăng trưởng của các chỉ tiêu đánh giá ngành Du lịch như: Lượt khách du lịch, doanh thu du lịch, cơ sở lưu trú, mà còn có sự chuyển biến rõ nét về mọi mặt kinh tế - xã hội. Hiệu quả hoạt động của ngành Du lịch đã đóng góp tích cực vào công cuộc chuyển đổi cơ cấu ngành của địa phương, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển các ngành kinh tế - xã hội và đặc biệt là cải thiện, nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư.

Về cơ sở lưu trú du lịch và cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tính đến ngày 20/12/2017, trên địa bàn Đắk Lắk có tổng cộng 201 đơn vị kinh doanh lưu trú du lịch với 4.304 buồng/phòng. Thực tế trong những năm qua, nhiều cơ sở lưu trú có quy mô lớn trên địa bàn đã khẳng định được thương hiệu khi tham gia phục vụ thành công các sự kiện lớn của quốc gia và quốc tế như: Hội nghị giữa kỳ các nhà tài trợ ODA, Hội nghị Tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam, Giải bóng chuyền nữ quốc tế Châu Á và quốc tế VTV Cup... Qua đó, các cơ sở lưu trú du lịch đã góp phần tạo dựng ấn tượng và hình ảnh đẹp về du lịch Đắk Lắk trong lòng du khách trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, trong Tỉnh còn có sự tham gia của 40 đơn vị kinh doanh lữ hành (trong đó, có 10 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế); 02 cơ sở ăn uống đạt chuẩn phục vụ khách du lịch; 01 cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt chuẩn phục vụ khách du lịch; 20 đơn vị kinh doanh khu, điểm du lịch; 04 đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch; cấp 65 thẻ hướng dẫn viên du lịch (trong đó, có 31 thẻ hướng dẫn viên quốc tế).

2.4 Đánh Giá

Thuận lợi – kết quả đạt được

Thuận lợi:

Về tổng thể, thành phố Buôn Ma Thuột có lợi thế nổi trội trong địa bàn tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên về phát triển du lịch, với vai trò trung tâm của tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên, cửa ngõ giao thông đường bộ và đường hàng không thuận lợi cho phép đón nhận và liên kết thuận lợi tới các khu vực phụ cận. Tuy nhiên việc cải thiện tiện ích trong giao thông, đón nhận và chuyển tiếp hành khách là vấn đề then chốt, giải quyết nhiệm vụ này không chỉ là trách nhiệm của thành phố Buôn Ma Thuột mà còn cần vai trò điều tiết của tỉnh Đắk Lắk, của vùng và Trung ương.

- Thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị loại 1, là trung tâm về kinh tế, giáo dục, y tế, ... của tỉnh Đắk Lắk; có cơ sở hạ tầng tốt hơn các địa phương khác trong tỉnh, là nền tảng hạ tầng phục vụ thuận lợi cho phát triển du lịch. Với lượng dân cư trẻ, nguồn lao động tiềm năng là lợi thế cho việc phát triển nguồn nhân lực, bên cạnh đó là trung tâm về giáo dục sẽ thuận lợi cho việc đào tạo tại chỗ và thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, tay nghề cho lực lượng lao động du lịch. Giảm và ngăn nguồn lao động chất lượng cao dịch chuyển khỏi tỉnh Đắk Lắk, thu hút được người lao động tham gia phục vụ trong ngành du lịch trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

- Thế mạnh du lịch văn hóa, du lịch xanh, du lịch lịch sử, trải nghiệm, khám phá,... việc bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn rất cần sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương. Vì thế việc đào tạo, trao cơ hội, thay đổi nhận thức,... cho cộng đồng và cho nhóm dân cư tham gia vào hoạt động du lịch được coi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Sự góp sức của cộng đồng quyết định trực tiếp tới chất lượng sản phẩm du lịch thế mạnh, bản sắc riêng của du lịch địa phương.

- Xác định và khai thác tốt về khách du lịch tiềm năng, phù hợp với thế mạnh của du lịch thành phố Buôn Ma Thuột (du lịch văn hóa, trải nghiệm tự nhiên,...) cũng là nội dung quan trọng cần được phân tích, nghiên cứu và xây dựng chương trình với các sản phẩm du lịch phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất cho ngành du lịch thành phố Buôn Ma Thuột.

Với mục tiêu phát triển Buôn Ma Thuột trở thành Thành phố xanh, văn hóa, lịch sử và là điểm đến du lịch hấp dẫn: văn minh, tiện ích, đặc sắc.

Thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm trung chuyển, dịch vụ và du lịch chính của tỉnh Đắk Lắk, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ và hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, thương hiệu du lịch Buôn Ma Thuột mạnh, có năng lực cạnh tranh với các trung tâm du lịch khác trong vùng; phấn đấu đưa du lịch thành phố Buôn Ma Thuột trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng và của tỉnh Đắk Lắk nói chung.

Du lịch được quan tâm đầu tư phát triển hướng tới trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Buôn Ma Thuột; xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm du lịch của vùng Tây Nguyên.

Từ những thuận lợi trên Đắk Lắk có được những ưu điểm phát triển du lịch sau:

- Đảng, Nhà Nước và Lãnh đạo thành phố quan tâm phát triển
- Buôn Ma Thuột có nhiều tài nguyên du lịch thiên nhiên phong phú
- Có nền văn hóa lịch sử lâu đời
- Nguồn lao động dồi dào
- Vị trí địa lý thuận lợi là trung tâm văn hóa của khu vực Tây nguyên

Kết quả:

Khách du lịch: Trong giai đoạn 2018-2020, khách du lịch đến Đắk Lắk tăng nhẹ từ 2018-2019 nhưng giảm mạnh vào 2020, đến năm 2020 còn 524000 nghìn lượt khách. Trong khi đó năm 2018 là 703000 nghìn lượt khách.

Doanh thu du lịch: Doanh thu du lịch tỉnh Đắk Lắk có sự tăng trưởng đáng kể. Doanh thu du lịch tăng đều qua các năm, mức tăng trung bình đạt khoảng 18,5%/năm. Năm 2018, doanh thu du lịch, đạt 101,67% so với kế hoạch, tăng 27,08% so với cùng kỳ năm trước. Đến năm 2020, doanh thu thực tế là 680 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch và tăng 14,48% so với năm 2019

Khó khăn – những mặt tồn tại

Vốn có nhiều lợi thế để phát triển, nhưng nhiều năm qua ngành du lịch Đắk Lắk hầu như vẫn "giậm chân tại chỗ". Các dịch vụ, sản phẩm du lịch của địa phương được đánh giá là đơn điệu, thiếu bản sắc khó tạo điểm nhấn, ấn tượng với du khách. Nếu không sớm thay đổi, ngành du lịch tỉnh này sẽ thụt lùi, khó có thể kéo khách trong và ngoài nước đến địa phương tham quan, nghỉ dưỡng.

Du lịch tỉnh Đắk Lắk còn nhiều khó khăn trong việc giữ chân du khách lâu dài, do sản phẩm du lịch không mới, trùng lặp giữa nhiều điểm du lịch; Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, liên kết và hợp tác phát triển du lịch liên vùng, khu vực còn hạn chế; Chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực du lịch chưa cao... Trong những năm từ 2019 đến nay ảnh hưởng của đại dịch COVID cũng khiến cho ngành du lịch thiệt hại nặng nề làm suy giảm lượng khách rõ rệt

Đại diện một doanh nghiệp lữ hành khác ở phía bắc tâm sự, nhiều khách du lịch đặt chân đến Bản Đôn cảm thấy chưa được như kỳ vọng, thậm chí thất vọng. Doanh nghiệp làm du lịch tỉnh nhà cần phải đặt địa vị mình vào khách du lịch, xem thử họ mong muốn gì, cần gì khi đến với Đắk Lắk.

Việc phát triển các sản phẩm du lịch ở tỉnh nhà vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có điểm nhấn. Ngoài ra, hướng dẫn viên du lịch ở Đắk Lắk vẫn chưa đầy 100 người. Đặc biệt, số hướng dẫn viên quốc tế vẫn còn ít. Người am hiểu tiếng Hàn, Trung Quốc, Nhật Bản vẫn rất hạn chế khó đáp ứng nhu cầu của du khách khi đặt chân đến địa phương.

Cơ sở hạ tầng giao thông nhiều nơi vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động du lịch. Phía cơ quan quản lý nhà nước lại không có kinh phí để đầu tư, phát triển các địa điểm du lịch.

Dù UBND tỉnh vẫn quan tâm đến phát triển du lịch nông nghiệp, canh nông nhưng vướng phải các vấn đề liên quan đất đai, khá nhạy cảm nên không dám đầu tư phát triển nhiều. Sở đã có đề nghị với cơ quan chức năng để phát triển 1 chợ đêm ở TP. Buôn Ma Thuột nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong quy hoạch xây dựng, ông Hưng bày tỏ.

Dịch bệnh COVID-19 bùng phát lần thứ tư khiến du lịch Đắk Lắk cũng như hầu hết các tỉnh thành khác trong cả nước gánh chịu thêm những khó khăn.

Từ những khó khăn trên rút ra được những nhược điểm đối với phát triển du lịch ở Đắk Lắk như sau

- Hệ thống cơ chế chính sách chậm đổi mới, công tác quản lý nhà nước về du lịch còn nhiều hạn chế
- Thiếu các doanh nghiệp lớn mạnh đầu tư phát triển dự án lớn
- Nhiều nơi còn khó khăn, cơ sở vật chất hạ tầng thiếu thốn
- Hệ thống giao thông đường bộ còn gặp nhiều vấn đề bất cập

- Xúc tiến quảng báo còn yếu kém so với các địa phương

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã giới thiệu chung về du lịch thành phố Buôn Mê Thuột, sản phẩm du lịch đặc trưng của thành phố Buôn Mê Thuột. Trong đó phần giới thiệu chung đi chi tiết vào những đặc điểm nổi bật của thành phố Buôn Mê Thuột bao gồm những đặc điểm: dân cư, dân tộc, văn hóa-xã hội, thời tiết- khí hậu. Bên cạnh đó chương 2 cũng đã phân tích giới thiệu những sản phẩm đặc trưng cấu thành nên các sản phẩm du lịch đặc thù của thành phố Buôn Mê Thuột gồm các địa điểm du lịch, món ăn, lễ hội đặc trưng.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI BUÔN MÊ THUỘT, ĐẮK LẮK

3.1 Định hướng phát triển

+ Phát triển du lịch gắn kết với cộng đồng địa phương:

Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) khẳng định: du lịch phải là hoạt động có lợi nhuận cho quốc gia và cho cộng đồng sở tại. Do đó, cộng đồng địa phương nên tham gia các hoạt động du lịch và chia sẻ quyền bình đẳng trong lợi ích kinh tế, xã hội và văn hóa mà hoạt động du lịch đem lại.

Trên thực tế, vai trò cộng đồng dân cư hết sức quan trọng trong phát triển du lịch, vừa là nền tảng, vừa là động lực và mục tiêu cho phát triển bền vững, nhất là đối với những vùng văn hóa đặc thù như Tây Nguyên.

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn 2030 nêu rõ: “Phát triển du lịch còn phải quan tâm đến lợi ích của cộng đồng dân cư nơi có tài nguyên du lịch, tạo mọi điều kiện để họ có thể tham gia vào các hoạt động du lịch, san sẻ lợi ích cho họ, có như vậy họ mới trở thành chủ nhân của những nguồn tài nguyên du lịch, có trách nhiệm bảo vệ và tôn tạo nguồn tài nguyên đó. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng đối với vùng Tây Nguyên, một vùng sâu, vùng xa, đời sống còn khó khăn, phụ thuộc vào nguồn tài nguyên tại chỗ - tài nguyên rừng”. Với ý nghĩa như vậy, để phát triển du lịch Tây Nguyên bền vững, trong tương lai cần hướng đến những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, phát triển du lịch di sản văn hóa gắn với phát triển cộng đồng; phải thực sự xem văn hóa là tài sản của cộng đồng dân cư, là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực và mục tiêu của sự phát triển.

Thực chất của vấn đề là đưa việc phát triển du lịch di sản văn hóa vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng cộng đồng Tây Nguyên. Đây là định hướng đặc biệt quan trọng có thể giải quyết được nhiều

mâu thuẫn trong vấn đề phát triển du lịch di sản văn hóa với phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Nói đến Tây Nguyên là nói đến văn hóa các dân tộc thiểu số bản địa và ngược lại, không thể phát triển kinh tế du lịch ở Tây Nguyên mà không lưu tâm đến di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Vì vậy, muốn giải quyết mối quan hệ giữa phát triển du lịch văn hóa gắn với cộng đồng, thì phải khai thác di sản văn hóa ngay trong chính cuộc sống của đồng bào trong từng buôn làng ở Tây Nguyên.

Trong xu thế mới, sự chi tiêu dành cho văn hóa du lịch là một thực tế đầy tiềm năng. Văn hóa Tây Nguyên sẽ khó có cơ hội phát triển nếu như thụ động, cố giữ với những hình thức cổ truyền mà không tận dụng được lợi thế trong giao lưu và phát triển du lịch. Cộng đồng dân cư ở Tây Nguyên, chính quyền địa phương và Trung ương phải nhìn thấy được những lợi thế của văn hóa du lịch và những bất lợi có thể xảy ra khi đẩy mạnh hoạt động du lịch văn hóa trên cơ sở khai thác những giá trị văn hóa của cộng đồng Tây Nguyên và các giá trị văn hóa của các dân tộc khác.

Thứ hai, khai thác có hiệu quả các giá trị các di sản văn hóa Tây Nguyên để đa dạng hóa các sản phẩm du lịch đặc thù, có tính cạnh tranh cao, thu hút khách du lịch. Thực tế cho thấy, để du lịch phát triển không thể thiếu các sản phẩm văn hóa. Chính vì nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao mà hoạt động kinh tế du lịch ngày càng được thúc đẩy.

Nhận diện bản chất của du lịch trong bối cảnh hiện nay, chúng ta càng thấy rằng sự gắn kết giữa kinh tế và văn hóa không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn chỉ ra tính thực tiễn của văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế du lịch. Các chuyên gia du lịch nước ngoài từng tổng kết rằng: có 20% số khách du lịch đến châu Âu vì sự hiểu biết về văn hóa, 60% số du khách quan tâm việc tìm hiểu khám phá sự kiện, hiện tượng văn hóa trong chuyến tham quan. Ở Việt Nam, có 70% số du khách cho rằng họ đến Việt Nam vì sự hấp dẫn của văn hóa Việt Nam, muốn tìm hiểu văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn hóa truyền thống của các dân tộc, đặc biệt là văn hóa các dân tộc thiểu số bản địa.

Như vậy, dù muốn hay không thì mọi hoạt động du lịch đều phải gắn kết với các sản phẩm văn hóa đặc thù và bản địa, đặc biệt là vùng văn hóa đặc thù như Tây Nguyên. Không có một sự chi tiêu trong hoạt động du lịch nào lại không gắn liền với các giá trị văn hóa của từng cộng đồng. Tuy nhiên, việc lạm dụng quy luật này cũng là vấn đề cần khắc phục và lên án khi một số người, một số công ty chỉ biết tìm kiếm lợi nhuận trên di sản văn hóa dẫn đến một kiểu “tăng trưởng không gốc rễ” mà Liên hợp quốc đã từng cảnh báo năm 1996. Mặt khác, việc vận dụng quy luật này vào trong thực tiễn lại không hoàn toàn dễ dàng bởi lẽ ở mỗi vùng miền địa phương, các tài nguyên văn hóa, tài nguyên du lịch lại không hoàn toàn như nhau.

Thứ ba, cộng đồng là một phần không thể thiếu của di sản văn hóa, trong nhiều trường hợp cộng đồng chính là linh hồn, là tâm điểm của di sản. Chính vì vậy, phát triển du lịch di sản không thể tách rời phát triển cộng đồng ở khu vực di sản và lợi ích có được từ du lịch di sản phải được chia sẻ với cộng đồng Tây Nguyên. Trong trường hợp này, cộng đồng sẽ là nhân tố tích cực góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản trên quê hương của họ.

Tuy có nhiều cách làm khác nhau nhưng các tỉnh Tây Nguyên đã biết tận dụng và khai thác tốt các di sản văn hóa, biến các di sản văn hóa trở thành tài sản thật sự của mỗi địa phương. Điều này đã làm thay đổi nhận thức của nhiều người khi không còn coi văn hóa chỉ là “cái đuôi” của kinh tế, ăn theo kinh tế. Nhiều địa phương Tây Nguyên hiện nay đã có sự lựa chọn mô hình phát triển mà trọng tâm là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng du lịch - dịch vụ, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư để phát triển bền vững.

Nếu nhìn ở khía cạnh kinh tế, chúng ta chỉ thấy lợi nhuận có được từ hoạt động du lịch. Điều đó là cần thiết trong quá trình nâng cao đời sống vật chất hiện nay. Tuy nhiên, nếu khai thác du lịch chỉ vì lợi nhuận thì sẽ không tránh khỏi những khuyết tật và thiếu bền vững, bởi lẽ lợi nhuận chỉ là phương tiện chứ không phải là mục đích. Cốt lõi của vấn đề vẫn là ý thức và lợi ích của cộng đồng dân cư đối với giá trị của di sản.

Trong thời gian qua, việc khai thác tốt các di sản văn hóa, các tài nguyên du lịch của nhiều địa phương Tây Nguyên đã làm cho chính quyền và người dân địa phương có trách nhiệm hơn trong việc giữ gìn, quản lý di sản. Thông qua du lịch, chính quyền địa phương và các cộng đồng dân cư hiểu đúng hơn những giá trị di sản vốn rất khó nhận ra trong đời sống thường nhật. Nhiều thôn, làng dân tộc thiểu số Tây Nguyên không còn bán rẻ công chiêng mà cố giữ lại như là niềm tự hào của dân tộc.

Suy cho cùng, tài nguyên tự nhiên rồi có thể bị cạn kiệt nhưng tài nguyên du lịch (sản phẩm kết tinh từ văn hóa) thì lại được bồi đắp, sinh sôi không ngừng, nó trở thành một tài sản vô giá. Việc khai thác tốt các nguồn tài nguyên văn hóa không chỉ làm tăng thu nhập cho nhiều người dân bản địa mà còn làm giàu có thêm bản sắc cộng đồng. Việc nhận diện giá trị cũng như bản sắc của di sản văn hóa thông qua hoạt động du lịch đã góp phần không nhỏ cho việc đẩy nhanh việc giữ gìn lễ hội truyền thống, trùng tu, tôn tạo di tích, bảo vệ cảnh quan sinh thái, môi trường cũng như hồi sinh các làng nghề truyền thống như rượu cần, thổ cẩm, đan lát... Họ xem đó như là vốn quý, là cái riêng của quê hương cần phải được gìn giữ và bồi đắp như một tài sản.

Thứ tư, phát triển du lịch văn hóa gắn với cộng đồng sẽ còn khai thác được những giá trị văn hoá bản địa góp phần làm đa dạng và phong phú hơn sản phẩm du lịch điểm đến, làm tăng tính hấp dẫn và hiệu quả kinh doanh du lịch.

Các di sản văn hóa là sản phẩm cốt lõi trong khai thác kinh tế du lịch. Điều này cũng có nghĩa là địa phương nào, cộng đồng dân cư nào coi thường di sản văn hóa hoặc hiểu chưa đầy đủ giá trị trong di sản thì sẽ gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế du lịch. Tuy nhiên, không nên nhìn hoạt động khai thác kinh tế du lịch chỉ thuần túy ở di sản của quá khứ mà phải không ngừng sáng tạo ra di sản mới. Việc khai thác tốt các giá trị di sản, suy cho cùng, sâu xa và bền vững hơn là hình thức bảo vệ bản sắc văn hóa.

Để phát triển kinh tế du lịch thì việc tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa đa dạng có ý nghĩa quan trọng, bởi lẽ sự chi tiêu cho văn hóa du lịch không chỉ thuần túy là nghỉ dưỡng mà còn là mua sắm, thưởng thức các loại hình nghệ thuật dân

gian cổ truyền và hiện đại. Thực tế cho thấy khách du lịch đến các tỉnh Tây Nguyên không chi tiêu nhiều cho việc mua sắm các sản phẩm văn hóa. Nguyên nhân sâu xa là do sản phẩm văn hóa ở đây còn đơn điệu và ít. Những sản phẩm văn hóa, đặc biệt là sản phẩm mỹ nghệ còn thiếu tính thẩm mỹ, các biểu tượng văn hóa của từng địa phương Tây Nguyên chưa được xây dựng một cách chu đáo thông qua mỗi sản phẩm văn hóa. Để bản sắc văn hóa của từng địa phương, vùng, miền được lưu giữ thì phải nhanh chóng đưa biểu tượng văn hóa vào các sản phẩm văn hóa.

Các sản phẩm văn hóa không chỉ là những đồ vật, “mặt hàng” vật thể, mà còn có thể là những “sản phẩm” phi vật thể như lễ hội truyền thống và hiện đại, trò chơi dân gian, bí quyết làng nghề hay những sinh hoạt thường ngày của các cộng đồng dân cư thiểu số. Việc cho ra đời những sản phẩm văn hóa đặc thù Tây Nguyên không chỉ phục vụ lợi ích và thị hiếu thẩm mỹ của du khách mà còn thỏa mãn nhu cầu văn hóa của cư dân bản địa, đồng thời kích thích sự sáng tạo của các nghệ sĩ, nghệ nhân dân gian.

Có thể nói rằng, trong xu hướng phát triển hiện nay, di sản văn hóa truyền thống các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên nói riêng và văn hóa nói chung góp phần quan trọng vào quá trình tăng trưởng kinh tế ngành du lịch. Tuy nhiên, nếu không biết khai thác một cách hợp lý, không biết tôn trọng giá trị di sản văn hóa các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên thì không những không tăng thêm giá trị, không đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng dân cư mà có thể làm mất đi hoặc khô kiệt văn hóa Tây Nguyên.

3.2 Các giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch tại Buôn Mê Thuột

3.2.1 Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch :

Buôn mê Thuột, Đăk Lăk có nhiều điểm đến rất hấp dẫn, mới lạ. Vì vậy, thành phố cần có những sản phẩm cụ thể, thiết thực và phải đầu tư làm một cách bài bản. Bên cạnh đó, các địa điểm du lịch cần có thêm những dịch vụ chất lượng, nơi dừng chân lý tưởng để giữ chân khách ở lại lâu hơn.

Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch đặc thù cùng với đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tập trung xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương đã được đề xuất, nhất là mô hình du lịch cộng đồng gắn với việc bảo tồn và phát triển các Buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; mô hình du lịch, dịch vụ phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh những ngày Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần.

Các giá trị văn hóa từ di sản thế giới “Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên” trải dài trên 5 tỉnh Tây Nguyên: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với chủ thể gồm nhiều dân tộc khác nhau: Ê đê, M’ông, Ba Na, Mạ, Lạch... Những giá trị văn hóa chính của Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên bao gồm: Công chiêng, các bản nhạc tấu bằng công chiêng, những người chơi công chiêng, các lễ hội có sử dụng công chiêng (Lễ mừng lúa mới, Lễ cúng Bến nước...) và những địa điểm tổ chức các lễ hội (nhà dài, nhà rông, rẫy, bến nước...) được UNESCO công nhận là “Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại” vào ngày 25/11/2005.

Đối với ngành Du lịch Đắk Lắk, “Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên” đặc biệt có giá trị cao, có khả năng kết hợp với các tài nguyên du lịch khác nhau tạo thành những sản phẩm hấp dẫn khách du lịch.

Tài nguyên du lịch được khai thác phát triển du lịch như sinh thái, văn hóa, cà phê, voi, công chiêng... đã hình thành một số khu, điểm du lịch nổi bật như Khu Du lịch thác Dray Sáp Thượng, Khu Du lịch Văn hóa sinh thái Buôn Đôn, du lịch cầu treo buôn Trí – Buôn Đôn; Du lịch hồ Lắk; làng du lịch văn hoá Buôn Jun – huyện Lắk; điểm Du lịch thác Bảy nhánh – Buôn Đôn; du lịch Vườn quốc gia Yok Đôn; Công viên nước Đắk Lắk... Với tiềm năng khai thác du lịch hiện nay, ngành Du lịch đã thu hút được các doanh nghiệp lữ hành trong khu vực và trên cả nước kết nối tour đưa khách du lịch đến Đắk Lắk tham quan, nghỉ dưỡng.

Để tạo ra những sản phẩm mang dấu ấn và đặc thù riêng có, Buôn Mê Thuột cần tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch gắn với Voi, gắn với Không gian văn hóa công chiêng và Sử thi Tây Nguyên; khuyến khích các

doanh nghiệp đầu tư, xây dựng mô hình du lịch gắn với cà phê. Phát triển thêm các sản phẩm, loại hình du lịch gắn với phát huy hệ thống di tích lịch sử và di tích lịch sử cách mạng của tỉnh; ưu tiên phát triển mô hình du lịch cộng đồng.

Cần tập trung đầu tư phát triển các không gian trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột, với lợi thế của sân bay Buôn Ma Thuột; không gian phía Bắc với công tác bảo tồn và phát triển đàn voi nhà để duy trì sản phẩm đặc thù của du lịch Đắk Lắk. Phát triển thêm không gian phía Nam với sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp; không gian phía Đông với thế mạnh về trang trại, đồng cỏ trên cao nguyên M'Drăk.

Đối với một số điểm du lịch quan trọng thành phố cần tập trung đầu tư phát triển các điểm du lịch Buôn Đôn- du lịch Voi; hồ Lắk - điểm du lịch nghỉ dưỡng; các điểm tham quan, tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc như Bảo tàng tỉnh, buôn Ako Dhong; buôn M'Liêng; buôn Triết.

Định hướng đến năm 2030, phát triển thêm các điểm du lịch Vườn quốc gia Yok Đôn, Vườn quốc gia Chư Yang Sin, các Khu bảo tồn thiên nhiên với loại hình du lịch dã ngoại, nghiên cứu khoa học.

Phát triển đồng bộ các tuyến du lịch trên cơ sở khai thác kết quả đầu tư, phát triển các điểm du lịch, các sản phẩm du lịch.

Tuyến du lịch đường bộ theo trục dọc của tỉnh, trên cơ sở Quốc lộ 14, kết nối Đắk Lắk với các tỉnh khu vực Tây Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh; theo trục ngang trên cơ sở Quốc lộ 26, quốc lộ 29 mới, kết nối Đắk Lắk với khu vực duyên hải Nam Trung Bộ; theo quốc lộ 27, kết nối Đắk Lắk với Lâm Đồng.

Tuyến du lịch đường không kết nối với các cửa khẩu hàng không quốc tế tại Việt Nam như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội... và xa hơn là một số cảng hàng không quốc tế trong khu vực.

Các tour du lịch đặc thù tập chung vào khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của người dân địa phương Tây Nguyên, khai thác vào các sản phẩm đã được thế giới công nhận như cà phê và văn hóa Cồng chiêng...

3.2.2 Khai thác bền vững các giá trị tài nguyên du lịch

Giải pháp về bảo vệ tài nguyên - môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch, khai thác hợp lý và có hiệu quả nhất những tiềm năng về tài nguyên, đồng thời phải đảm bảo sự phát triển bền vững của môi trường sinh thái trong tương lai

Sự ô nhiễm của môi trường trong tương lai phần lớn từ các hoạt động xây dựng, các chất thải từ khu nhà nghỉ, nhà hàng, rác thải từ du khách thăm quan cùng với sự thiếu hụt về các cơ sở làm sạch môi trường. Trong tương lai tình trạng này không được khắc phục thì sự ô nhiễm sẽ là rất lớn. Vì vậy để giảm thiểu thấp nhất về ô nhiễm môi trường thì cần thực hiện các giải pháp sau:

Tất cả các công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường của các cơ quan chuyên môn trước khi tiến hành xây dựng công trình, nhằm phát hiện sớm và làm sáng tỏ các tác động môi trường của dự án, để cơ quan chức năng xem xét, cân nhắc trước khi cấp phép.

Khi xây dựng công trình phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về xây dựng hạ tầng trong VQG, đặc biệt là xây dựng các hệ thống đường, nhà nghỉ, hệ thống cấp thoát nước, khu vui chơi giải trí, bãi đỗ xe,..

Tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ, xác định nguồn gây tác động môi trường để kịp thời ngăn chặn.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống nước thải, thu gom và xử lý rác thải, các địa điểm có hoạt động du lịch và xây dựng. Hệ thống nước thải bắt buộc phải được xử lý đúng tiêu chuẩn vệ sinh các chất thải của ngành môi trường, trước khi đưa nước ra hòa nhập với môi trường rừng.

Tất cả các rác thải phải được thu gom vào các thùng chứa đặt trên trục đường các khu trung tâm, rác thải phải được phân loại vô cơ và hữu cơ để được đưa về khu xử lý.

Tổ chức giám sát các tác động đến môi trường: Thường xuyên giám sát, kiểm tra định kỳ và kiểm tra bất thường nhằm xác định nguồn gây tác động môi

trường, kiểm tra chất lượng hệ thống nước thải, thu gom rác thải, các địa điểm du lịch phải có biện pháp xử lý kịp thời khi có vi phạm.

Về chính sách đãi ngộ, hỗ trợ hợp lý đối với nghệ nhân truyền thụ văn hoá trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Dự án số 6 "Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025, trong đó có nhiệm vụ về xây dựng chính sách hỗ trợ cho nghệ nhân truyền dạy văn hóa trong đồng bào các dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ phục dựng, bảo tồn, phát huy một số lễ hội truyền thống như: lễ hội của dân tộc Brâu, lễ hội của dân tộc Xơ Đăng, lễ hội của dân tộc Gia rai, tỉnh Kon Tum; hỗ trợ bảo tồn 02 lễ hội dân tộc Cơ Ho, tỉnh Lâm Đồng; hỗ trợ bảo tồn 02 lễ hội truyền thống dân tộc M'Nông, tỉnh Đắk Nông; lễ hội dân tộc Ba Na, tỉnh Gia Lai.

Hỗ trợ bảo tồn làng, bản, buôn truyền thống: làng dân tộc Mạ tại buôn P'Tông, Xã Đắk Plao, huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông; làng dân tộc Gia Rai tại làng Ploi Oi, xã Yaun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; làng dân tộc Chu Ru tại xã P'róh, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Hỗ trợ phát triển hệ thống vui chơi, giải trí cho trẻ em khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới tại tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông.

Hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm văn hóa thông tin cho các đồn Biên phòng và các đội tuyên truyền văn hóa Bộ đội Biên phòng để xóa các điểm trắng văn hóa tại vùng biên giới, ven biển, hải đảo. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm cho đồn Biên phòng các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Hàng năm, hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh khu vực Tây Nguyên sản xuất và cung cấp sản phẩm văn hoá, thông tin phù hợp cho đồng bào dân tộc thiểu số, các xã khu vực III, các trường dân tộc nội trú, trong đó có tỉnh Đắk Lắk.

3.2.3 Cải thiện cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng

Nghiên cứu, xây dựng một số cơ chế đặc thù của địa phương có thể áp dụng được đối với Đắk Lắk theo hướng ưu tiên miễn giảm thuế (đặc biệt là thuế sử dụng đất ở những khu vực khó khăn, hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém...); hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới

Thu hút đầu tư phát triển du lịch tập trung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên sử dụng vào việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, công tác bảo vệ và tôn tạo tài nguyên, xúc tiến quảng bá du lịch, bảo vệ môi trường ...; nghiên cứu, xây dựng những chính sách phù hợp, thiết thực và thật sự hấp dẫn để thu hút các nguồn lực xã hội vào phát triển du lịch.

Cơ sở lưu trú du lịch: Ưu tiên phát triển hệ thống khách sạn cao cấp từ 3 - 5 sao. Bên cạnh đó, tập trung phát triển hệ thống cơ sở lưu trú theo hình thức nhà có phòng cho thuê (homestay), phát triển các khu du lịch, điểm du lịch, đặc biệt tại một số buôn, cụm dân cư đồng bào dân tộc.

Phát triển mạnh hệ thống nhà hàng ăn uống; đăng cai tổ chức nhiều hoạt động thể thao cấp quốc gia và quốc tế cũng như các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó cũng cần chú trọng phát triển thêm hệ thống khách sạn từ 4 - 5 sao để phục vụ nhu cầu của loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo (MICE).

Cơ sở vui chơi giải trí: Phát triển cơ sở vui chơi giải trí gắn với tự nhiên, vui chơi giải trí về đêm, các loại hình vui chơi giải trí khác mang tính truyền thống, các trò chơi dân gian mang bản sắc văn hóa của Đắk Lắk - Tây Nguyên ...

Cơ sở dịch vụ thể thao: Xây dựng Trung tâm thể thao vùng Tây Nguyên để thu hút nhiều hoạt động thể thao cấp quốc gia và quốc tế tổ chức tại Đắk Lắk.

Cơ sở thể thao cao cấp như sân golf, đua ngựa..., cần được tập trung phát triển ở khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, đồng cỏ cao nguyên M'Đrắk.

3.2.4 Nâng cao chất lượng nguồn lao động du lịch

Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức quản lý và kỹ năng nghiệp vụ; có chính sách thu hút lao động có tay nghề, chuyên môn cao; thành lập Khoa Du lịch tại Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật tỉnh.

Trong đó tập trung vào các giải pháp chính sau: Xây dựng cơ sở đào tạo một cách hệ thống gồm dạy nghề, đào tạo các cấp từ trung cấp đến đại học về du lịch. Đổi mới cơ bản công tác quản lý và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo theo chuẩn hóa quốc gia cho ngành du lịch, gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo với nghiên cứu để nâng cao chất lượng giảng dạy và trình độ đội ngũ cán bộ giảng viên. Đào tạo mang tâm vĩ mô đồng thời cần phải dự báo được xu hướng phát triển du lịch, tránh hiện tượng đào tạo cấp tốc không bài bản để đáp ứng nhu cầu của du khách một cách bị động. Thay đổi những chính sách đối với lực lượng lao động trong ngành du lịch như: Cải thiện điều kiện lao động và nâng cao chất lượng môi trường trong doanh nghiệp du lịch; Đề ra những quy định nhằm hoàn thiện chế độ đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động. Hoàn thiện hệ thống nội quy và tăng cường kỷ luật lao động; Bố trí và phân công lao động thích hợp. Ngoài ra còn thực hiện một số giải pháp cơ bản trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch như: liên kết bồi dưỡng nâng cao, đào tạo lại và tuyển dụng mới nhân lực thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về du lịch, liên kết tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ kinh doanh du lịch.

3.2.5 Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch

Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư, đặc biệt là dân cư sinh sống tại các điểm du lịch; xây dựng và triển khai hệ thống các quầy thông tin du lịch miễn phí tại các đầu mối giao thông quan trọng như: Sân bay; khách sạn, bảo tàng; tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để xúc tiến quảng bá du lịch Đắk Lắk có hiệu quả.

Giải pháp về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế về du lịch, từng bước hội nhập du lịch Đắk Lắk với phát triển du lịch ở khu vực và thế giới.

Với nhiều tiềm năng nổi bật như sự đa dạng về văn hóa, khí hậu mát mẻ, thuận lợi về giao thông, Đắk Lắk cần xem xét đến cơ hội để phát triển thành một trung tâm du lịch; ứng dụng công nghệ thông tin để thúc đẩy du lịch nhanh nhất. Nơi đây hội tụ đầy đủ các yếu tố tự nhiên của rừng núi, sông hồ, thác ghềnh... cùng bản sắc văn hóa đa dạng của 47 dân tộc anh em đang sinh sống trên địa bàn, với những giá trị độc đáo về kiến trúc, mỹ thuật, âm nhạc, văn hóa, lễ hội.

Sản phẩm du lịch Đắk Lắk là du lịch sinh thái và du lịch văn hóa; sản phẩm đặc trưng là cưỡi voi thưởng ngoạn phong cảnh, cà phê và không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên. Phát triển du lịch Đắk Lắk kết hợp với hoạt động trải nghiệm như rang, xay cà phê, thu hoạch mắc-ca, trải nghiệm cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số...

Ngoài ra, Đắk Lắk có khả năng kết nối thuận lợi với các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua hệ thống giao thông đường bộ như Quốc lộ 14, 14C, 26, 27, 29 và có sân bay Buôn Mê Thuột - đang kết nối với các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng...

Một trong những hoạt động được quan tâm sẽ là tổ chức các hội thi, cuộc thi giới thiệu về quê hương Đắk Lắk; lựa chọn đoàn viên, thanh niên giỏi ngoại ngữ, giao tiếp tốt, có sức khỏe, yêu thích hoạt động tình nguyện để đào tạo thành hướng dẫn viên giới thiệu tại các điểm du lịch; tăng cường công tác giáo dục truyền thống như tổ chức về nguồn, tham quan các di tích lịch sử, các điểm du lịch của tỉnh Đắk Lắk; tích cực xây dựng hình ảnh con người Đắk Lắk thân thiện, am hiểu về lịch sử và tình hình địa phương.

3.2.6 Tăng cường công tác quản lý về du lịch

Giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao năng lực điều hành, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động du lịch, đẩy mạnh hoạt động của Ban Chỉ đạo nhà nước về du lịch của tỉnh. củng cố bộ máy, cơ quan quản

lý nhà nước về du lịch, lựa chọn cán bộ có trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết để bố trí nhiệm vụ trong ngành du lịch. Kiện toàn tổ chức Hiệp hội Du lịch tỉnh.

Khẩn trương đầu tư xây dựng và hoàn thành một số quy hoạch chi tiết, thực hiện quản lý chặt chẽ việc xây dựng theo quy hoạch ở các khu du lịch trọng điểm.

Thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch. Chỉ đạo, hướng dẫn các phòng, ban, các tổ chức, cá nhân kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, lữ hành, vận chuyển và các khu, điểm du lịch thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong phạm vi toàn tỉnh và trong nội bộ đơn vị cơ sở thuộc phạm vi quản lý liên ngành.

Định kỳ vào tháng 10 hàng năm, Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự cho các đơn vị cơ sở, đề ra các biện pháp chủ động phòng ngừa, khắc phục những sơ hở, không để kẻ địch và phần tử xấu lợi dụng môi trường du lịch để tổ chức các hoạt động phá hoại, gây mất trật tự an ninh địa phương, góp phần tích cực trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ động thông tin thường xuyên về tình hình thời sự trong nước, ngoài nước; báo cáo chuyên đề về an ninh trật tự xã hội, an ninh biên giới, tình hình an ninh trật tự của các cơ sở kinh doanh du lịch cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố biết để kịp thời thông tin đến cán bộ, nhân viên trong ngành du lịch và cùng phối hợp, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì tốt trật tự, an ninh.

Tổ chức phát động “phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ bí mật Nhà nước” trong ngành Du lịch. Định kỳ vào tháng 11 hàng năm, Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức tổng kết đánh giá kết

quả đạt được và rút ra kinh nghiệm, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai trên diện rộng trong năm tiếp theo; biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào.

Phối hợp tìm biện pháp để hiện đại hóa công tác quản lý khách du lịch, công tác kiểm tra, thanh tra các đơn vị du lịch, tránh chồng chéo gây phiền hà cho đơn vị cơ sở và khách du lịch.

Phối hợp trong việc giải quyết các trường hợp đơn thư khiếu nại, tố cáo vụ việc xảy ra có liên quan đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh nội bộ và trật tự an toàn xã hội.

Hướng dẫn và chỉ đạo các đơn vị cơ sở thực hiện hoạt động kinh doanh lưu trú, lữ hành, vận chuyển, khu, điểm du lịch theo đúng quy định của nhà nước và pháp luật. Kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực, tham nhũng, xâm phạm tài sản nhà nước và tài sản riêng của khách du lịch nhằm giữ vững sự ổn định về công tác, đảm bảo cho hoạt động của ngành Du lịch được bình thường trong mọi tình huống.

Phối hợp chỉ đạo các đơn vị tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong khi thực thi nhiệm vụ; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh du lịch và bảo vệ tốt an ninh trong du lịch.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 cung cấp một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch tại Buôn Mê Thuột nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung. Những giải pháp này dựa trên quan điểm cá nhân của bản thân và tình hình thực tế tại Tỉnh. Một số giải pháp đã được đưa ra tiêu biểu như đa dạng hóa các sản phẩm du lịch của tỉnh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thâm nhập và mở rộng thị trường, đưa ra một số chính sách marketing giúp sản phẩm du lịch của tỉnh tiếp cận nhiều hơn đến với khách hàng và một số biện pháp khác giúp kinh doanh du lịch đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế mới nổi có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới. Bên cạnh đó, Việt Nam lại có một nền văn hiến lâu đời nên có sự đa dạng văn hóa các dân tộc, đồng thời cũng có rất nhiều cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp. Vì thế nên Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng phát triển du lịch. Tỉnh Đắk Lắk với những ưu thế của mình là mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch. Trong đó, Thành phố Buôn Mê Thuột cũng đã góp một phần công sức nhỏ bé của mình hòa chung vào sự phát triển đó.

Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để tiếp cận với du khách theo hướng bền vững luôn là một bài toán khó đối với mọi cá nhân cũng như tổ chức đang hoạt động trong ngành du lịch nên những lý luận và giải pháp em đưa ra sẽ có giá trị tham khảo và đóng góp một phần nào đó vào sự phát triển du lịch của tỉnh. Do khả năng còn hạn chế nên bài viết chắc chắn sẽ có nhiều những khuyết điểm, kính mong sự đóng góp của các thầy cô có thể giúp em hoàn thiện hơn, đạt được kết quả cao trong học tập và vững vàng khi bước vào nghề .

Em xin chân thành cảm ơn các thầy, các cô trong trường và cô giáo Nguyễn Thị Phương Thảo đã luôn quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo tận tình để em có thể hoàn thiện bài báo cáo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hải Yến, Tài nguyên du lịch, NXB Giáo Dục, 2007
2. Bùi Thị Hải Yến, Tuyển Điểm DL Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017
3. Denis L. Foster, Công nghệ du lịch (bản dịch), NXB Thống Kê, Hà Nội, 2001.
4. Nguyễn Minh Tuệ, Địa lý du lịch, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020
5. Vũ Thế Bình, Non nước Việt Nam, NXB Thanh niên, 2017

Tư liệu:

<https://hethongphapluat.com/ngghi-quyet-59-2012-nq-hdnd-ve-quy-hoach-tong-the-phat-trien-du-lich-tinh-dak-lak-den-nam-2020-va-dinh-huong-den-nam-2030.html>

<http://www.vhttdldaklak.gov.vn/p/du-lich/du-lich-trong-tinh/>

<https://123docz.net/document/7027232-danh-gia-dieu-kien-dia-ly-va-tai-nguyen-phuc-vu-phat-trien-du-lich-ben-vung-tinh-dak-lak.htm>

<https://dulich9.com/nhung-dia-diem-du-lich-dak-lak-noi-tieng-hap-dan-du-khach.html>

<https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/mot-so-giai-phap-phat-trien-du-lich-tinh-dak-lak-311481.html>